

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các doanh nghiệp tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra các loại sản phẩm và cung cấp dịch vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu của thị trường với mục tiêu là lợi nhuận, hay nói cách khác nhiệm vụ kinh doanh chủ yếu của các doanh nghiệp là không ngừng nâng cao hiệu quả và mở rộng sản xuất kinh doanh, không ngừng nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng, tăng sức cạnh tranh. Thực tế cho thấy khách hàng không những muốn mua hàng hóa chất lượng cao mà giá cả còn phải phù hợp. Vấn đề này đang là thách thức của tất cả các doanh nghiệp tham gia vào cạnh tranh trên phạm vi toàn thế giới đặc biệt là các doanh nghiệp Việt Nam, khi mà nước ta vừa tham gia vào thị trường kinh tế thế giới WTO.

Qua quá trình tìm hiểu về tổ chức công tác kế toán tại Công ty cổ phần vật liệu kỹ thuật điện, từ những kiến thức đã được học và thực tiễn, em quyết định chọn đề tài ***“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Vật liệu kỹ thuật điện.”*** cho bài khóa luận của mình.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung khóa luận của em gồm 3 chương chính sau:

Chương I : Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương II: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Vật liệu kỹ thuật điện.

Chương III: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Vật liệu kỹ thuật điện.

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo trong khoa quản trị kinh doanh trường Đại học dân lập Hải Phòng, đặc biệt là sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo , thạc sỹ Vũ Hùng quyết. Đồng thời em xin cảm ơn sự giúp đỡ của Ban lãnh đạo và

tập thể nhân viên phòng Kế toán-Tài chính Công ty cổ phần vật liệu kỹ thuật điện đã tạo điều kiện để em hoàn thành bài khóa luận này.

Do thời gian và trình độ có hạn nên bài viết không thể tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Hải phòng. Ngày 25 tháng 06 năm 2011

Sinh viên

Phạm Thúy Mai

CHƯƠNG I. LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.1. Doanh thu

1.1.1.1. Khái niệm

- Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Doanh thu tiêu thụ nội bộ là số tiền thu được do bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

- Doanh thu tài chính là các khoản thu nhập liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

1.1.1.2 Các phương thức tiêu thụ hàng chủ yếu trong doanh nghiệp

- Phương thức bán hàng trực tiếp cho khách hàng: Theo phương thức này, người mua đến nhận hàng tại kho bán của doanh nghiệp. Sau khi doanh nghiệp giao hàng, người mua ký vào chứng từ bán hàng, nếu hội tụ đủ các điều kiện ghi nhận doanh thu, không kể người mua đã thanh toán hay chỉ mới chấp nhận thanh toán, số hàng chuyển giao được xác định tiêu thụ và giá trị của nó được ghi nhận là doanh thu.

-Phương thức gửi hàng đi cho khách hàng: Là phương thức bên bán gửi hàng đi cho khách hàng theo các điều kiện của hợp đồng kinh tế đã ký kết. Số hàng gửi đi vẫn thuộc quyền kiểm soát của bên bán, khi khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì lợi ích và rủi ro được chuyển giao toàn bộ cho người mua, giá trị hàng hóa đã được thực hiện và là thời điểm bên bán được ghi nhận doanh thu bán hàng.

-Phương thức đại lý, ký gửi bán đúng giá hưởng hoa hồng: Đối với đơn vị có hàng ký gửi (chủ hàng): khi xuất hàng cho các đại lý hoặc các đơn vị nhận bán hàng ký gửi thì số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi được tiêu thụ. Khi bán hàng ký gửi, doanh nghiệp sẽ trả cho đại lý hoặc bên nhận ký gửi một khoản hoa hồng tính theo tỷ lệ % trên giá ký gửi của số hàng ký gửi đã bán được. Khoản hoa hồng phải trả này được doanh nghiệp hạch toán vào chi phí bán hàng.

Đối với đại lý hoặc đơn vị nhận bán hàng ký gửi, số sản phẩm, hàng hóa nhận bán ký gửi không thuộc quyền sở hữu của đơn vị này. Doanh thu của các đại lý chính là khoản hoa hồng được hưởng.

-Phương thức bán hàng trả góp, trả chậm: Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng chuyển giao được xác định là tiêu thụ. Khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng ở ngay lần đầu để được nhận hàng, phần còn lại sẽ được trả dần trong một thời gian nhất định và phải chịu một khoản lãi suất đã được quy định trước trong hợp đồng. Khoản lãi do bán trả góp không được phản ánh vào tài khoản doanh thu (TK 511), mà được hạch toán như khoản doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp (TK515). Doanh thu bán hàng trả góp phản ánh vào TK 511 được tính theo giá bán tại thời điểm thu tiền 1 lần.

-Phương thức hàng đổi hàng : Là phương thức bán hàng mà doanh nghiệp đem sản phẩm, vật tư, hàng hóa để đổi lấy vật tư, hàng hóa khác không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư , hàng hóa tương ứng trên thị trường.

1.1.1.3 Phân loại doanh thu

Doanh thu được tạo ra từ nhiều nguồn khác nhau từ đó mà có rất nhiều loại doanh thu và nhiều cách phân loại doanh thu. Doanh thu được phân loại dựa trên nhiều tiêu chí khác nhau và tùy theo điều kiện cụ thể phù hợp. Mỗi cách phân chia doanh thu lại có một ưu điểm riêng phù hợp với điều kiện cụ thể của mỗi doanh nghiệp.

Doanh thu có thể phân loại theo cách sau đây:

❖ Doanh thu theo mặt hàng kinh doanh: Phân chia theo mặt hàng kinh doanh là hình thức phân loại được các doanh nghiệp sử dụng chủ yếu để phân loại doanh thu của doanh nghiệp mình. Tùy theo các loại mặt hàng kinh doanh mà doanh nghiệp phân chia doanh thu của mình thành các loại tương ứng. Có thể phân loại doanh thu theo hình thức sau đây:

- Doanh thu bán hàng hóa: Là giá trị các khoản lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được từ việc cung cấp hàng hóa, sản phẩm cho các đơn vị.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ: Là giá trị các khoản lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được từ việc cung cấp dịch vụ cho các đơn vị.

Việc phân chia doanh thu theo mặt hàng kinh doanh giúp cho doanh nghiệp thấy được các mặt hàng kinh doanh nào có doanh thu lớn đem lại lợi nhuận cao cho doanh nghiệp, từ đó có các chiến lược phát triển thích hợp đối với các mặt hàng đó để doanh nghiệp ngày càng phát triển.

❖ Doanh thu theo kênh bán hàng: Việc phân loại doanh thu theo kênh bán hàng có thể giúp cho doanh nghiệp thấy được mặt hàng kinh doanh nào đem lại nhiều doanh thu cho doanh nghiệp để từ đó có những biện pháp thích hợp để tăng doanh thu tại các nơi đó và rút kinh nghiệm để tăng doanh thu cho các nơi tiêu thụ khác.

❖ Doanh thu xuất khẩu và hàng bán nội địa:

- Doanh thu hàng xuất khẩu: Là giá trị các khoản lợi tức kinh tế mà doanh nghiệp thu được từ việc xuất khẩu sản phẩm, hàng hóa ra thị trường nước ngoài hay vào các khu chế xuất, khu công nghiệp cho các dự án đầu tư nước ngoài.

- Doanh thu bán hàng nội địa: Là giá trị các khoản lợi tức kinh tế mà doanh nghiệp thu được từ việc bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các đơn vị, tổ chức, cá nhân trong nước.

Việc phân chia hàng hóa theo hàng xuất khẩu và hàng nội địa giúp cho các doanh nghiệp thấy được ưu thế của mình là bán hàng trong nước hay nước ngoài. Việc phân chia này giúp cho các doanh nghiệp có các chiến lược phát triển, tăng tiêu thụ hàng hóa trong nước hoặc tăng cường xuất khẩu hàng hóa đến những khu vực tiềm năng.

Mỗi một cách phân loại doanh thu có những ưu điểm khác nhau, các doanh nghiệp khi phân loại doanh thu có thể kết hợp nhiều cách phân loại khác nhau để đáp ứng được nhu cầu quản lý, từ đó đưa ra các chiến lược phù hợp với doanh nghiệp của mình.

1.1.1.4 Các khoản giảm trừ doanh thu

- Chiết khấu thương mại : Là khoản mà người bán thưởng cho người mua do người mua đã mua hàng (sản phẩm, hàng hóa), dịch vụ với khối lượng lớn trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết về mua, bán hàng.

- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp(bên bán) chấp thuận một cách đặc biệt trên giá đã thỏa thuận trên hóa đơn, vì lí do bán hàng kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn ghi trong hợp đồng.

- Hàng bán bị trả lại: Là khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

- Thuế xuất nhập khẩu: Thuế xuất nhập khẩu hay thuế xuất –nhập khẩu hoặc thuế quan là tên gọi chung để gọi hai loại thuế trong lĩnh vực thương mại quốc tế . Đó là thuế nhập khẩu và thuế xuất khẩu. Thuế nhập khẩu là thuế đánh vào hàng hóa nhập khẩu, còn thuế xuất khẩu là thuế đánh vào hàng hóa xuất khẩu .

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: Thuế tiêu thụ đặc biệt là thuế gián thu, thuế được nộp vào giá bán và do người tiêu dùng phải gánh chịu khi mua hàng hóa, dịch vụ nhưng qua các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

- Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp : Là thuế tính trên phần giá trị gia tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh từ quá trình sản xuất , lưu thông đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp phải tương ứng với doanh thu phát sinh trong kỳ.

Đây là các khoản thuế được xác định trực tiếp trên doanh thu bán hàng theo quy định hiện hành của luật thuế tùy thuộc vào từng mặt hàng khác nhau.

1.1.2 Chi phí

1.1.2.1 Khái niệm

Chi phí nói chung là sự hao phí được thể hiện bằng tiền trong quá trình kinh doanh với mong muốn mang về một sản phẩm dịch vụ hoàn thành hoặc một kết quả kinh doanh nhất định. Chi phí phát sinh trong các hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ nhằm đến việc đạt được mục tiêu cuối cùng của doanh nghiệp: Doanh thu và lợi nhuận.

1.1.2.2 Phân loại chi phí

*** Giá vốn hàng bán:**

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc bao gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh.

*** Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng là toàn bộ chi phí có liên quan đến việc tiêu thụ thành phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp bao gồm:

-Chi phí nhân viên bán hàng: phản ánh các khoản phải trả cho nhân viên bán hàng , nhân viên đóng gói, vận chuyển, bảo quản sản phẩm, hàng hóa...bao gồm tiền lương, tiền ăn giữa ca, tiền công và các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, kinh phí công đoàn...

-Chi phí vật liệu, bao bì: phản ánh các chi phí vật liệu, bao bì xuất dùng cho việc giữ gìn, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, như chi phí vật liệu đóng gói sản phẩm, hàng hóa, chi phí vật liệu, nhiên liệu dùng cho bảo quản, vận chuyển sản phẩm, ... dùng cho bộ phận bán hàng.

-Chi phí dụng cụ, đồ dùng: Phản ánh chi phí về công cụ, dụng cụ phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa như dụng cụ đo lường, phương tiện tính toán, phương tiện làm việc, ...

-Chi phí khấu hao TSCĐ phản ánh khoản chi phí khấu hao ở bộ phận bảo quản, bán hàng như nhà kho, cửa hàng,...

-Chi phí bảo hành: dùng để phản ánh chi phí dùng để bảo hành hàng hóa, sản phẩm.

-Chi phí dịch vụ mua ngoài: Phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho bán hàng như chi phí chi phí thuê ngoài sửa chữa TSCĐ phục vụ trực tiếp cho bán hàng, tiền thuê kho, bến bãi...

-Chi phí khác bằng tiền: Phản ánh các chi phí bằng tiền khác phát sinh trong khâu bán hàng ngoài các chi phí kể trên như chi phí tiếp khách ở bộ phận bán hàng, chi phí giới thiệu sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quảng cáo...

*** Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp bao gồm:

-Chi phí nhân viên quản lý: phản ánh các khoản phải trả cho cán bộ nhân viên quản lý doanh nghiệp, như tiền lương, các khoản phụ cấp, BHXH, BHYT, BHTN, kinh phí công đoàn của Ban Giám đốc, nhân viên quản lý ở các phòng, ban của doanh nghiệp.

-Chi phí vật liệu quản lý : phản ánh chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý doanh nghiệp như văn phòng phẩm,... vật liệu sử dụng cho sửa chữa TSCĐ, công cụ, dụng cụ...

-Chi phí đồ dùng văn phòng: phản ánh chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý.

-Chi phí khấu hao TSCĐ: Phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp như: nhà cửa làm việc của các phòng ban, kho tàng, vật kiến trúc ...

-Thuế, phí và các lệ phí: phản ánh chi phí về thuế, phí và lệ phí như thuế môn bài, tiền thuê đất, ... và các khoản phí, lệ phí khác.

-Chi phí dự phòng: phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

-Chi phí dịch vụ mua ngoài: phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp, các khoản chi mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế,...

-Chi phí bằng tiền khác: Phản ánh các chi phí khác thuộc quản lý chung của doanh nghiệp ngoài các chi phí đã kể trên, như chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, tàu xe,...

*** Chi phí hoạt động tài chính**

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm: các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

*** Chi phí khác**

Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có)

- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.

- Bị phạt thuế. Truy nộp thuế

- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán.

- Các khoản chi phí khác.

*** Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là khoản chi phí phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

1.1.3 Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng mà doanh nghiệp đạt được trong một kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh và do hoạt động khác mang lại được biểu hiện thông qua chỉ tiêu lãi lỗ.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

-Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (Gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động,...), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

-Kết quả hoạt động tài chính: là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

-Kết quả hoạt động khác: là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.2 Ý nghĩa và nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.2.1 Ý nghĩa của tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Trong nền kinh tế thị trường các doanh

nghiệp tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra các loại sản phẩm và cung cấp dịch vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu của thị trường và thu được lợi nhuận.

Trước hết doanh thu là nguồn tài chính đảm bảo trang trải mọi chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng, là nguồn thu để doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước, là nguồn để tham gia liên doanh liên kết với các đơn vị khác.

Ý nghĩa quan trọng nhất của doanh thu được thể hiện qua quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ... nó đóng vai trò quan trọng không chỉ đối với mỗi đơn vị kinh tế mà còn đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Để thực hiện qua trình bán hàng và cung cấp dịch vụ doanh nghiệp phải chi ra các khoản chi phí. Đó là tổng giá trị làm giảm lợi ích kinh tế trong một thời kỳ, dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ vào tài sản hoặc các khoản nợ làm giảm vốn chủ sở hữu. Đồng thời doanh nghiệp cũng thu được những khoản doanh thu và thu nhập khác, là tổng giá trị các lợi ích kinh tế thu được trong kỳ phát sinh từ các hoạt động góp phần là tăng vốn chủ sở hữu.

Xác định kết quả kinh doanh giúp doanh nghiệp biết được tình hình sản xuất kinh doanh của mình trong kỳ. Biết được xu hướng phát triển của doanh nghiệp đưa ra các biện pháp tác động vào doanh thu, chi phí nhằm nâng cao lợi nhuận, đồng thời từ đó doanh nghiệp sẽ đưa ra các quyết định, chiến lược sản xuất kinh doanh trong các kỳ sản xuất kinh doanh tiếp theo. Mặt khác, việc tác động này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối và sử dụng kết quả kinh doanh theo đúng mục đích phù hợp với cơ chế tài chính quy định cho từng loại doanh nghiệp cụ thể.

1.2.2 Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Việc ghi chép phản ánh đúng các khoản chi phí, doanh thu rất quan trọng. Bởi vậy nếu không phản ánh đúng đủ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh sẽ rất khó khăn cho nhà quản trị trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh. Hơn nữa việc phản ánh các khoản chi phí còn ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp, nó có thể làm giảm lợi

nhuận của doanh nghiệp, mà kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp còn thể hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với nhà nước. Vì vậy, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh còn thể hiện đầy đủ nghĩa vụ cung cấp thông tin kịp thời và chính xác cho người quản lý trong ngoài đơn vị đưa ra được các quyết định hữu hiệu. Do đó kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh cần thực hiện các nhiệm vụ sau:

-Phán ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời và thực hiện phân loại doanh thu, chi phí theo đúng nguyên tắc chuẩn mực kế toán đã quy định.

-Tổ chức kế toán chứng từ, tài khoản doanh thu chi phí, xác định kết quả kinh doanh phù hợp với loại hình kinh doanh của doanh nghiệp theo đúng quy định.

-Lựa chọn phương pháp xác định đúng giá vốn bán hàng đúng để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hóa.

-Tham gia kiểm kê, đánh giá, lập báo cáo về tình hình tiêu thụ sản phẩm, kết quả bán hàng và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp.

-Xác định đúng và tập hợp đầy đủ chi phí bán hàng phát sinh trong quá trình bán hàng cũng như chi phí quản lý, phân bổ chi phí hợp lý.

-Cuối kỳ kết chuyển doanh thu, các khoản chi phí hợp lý vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh và các khoản thuế phải nộp nhà nước, đảm bảo cung cấp thông tin về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho nhà quản trị kịp thời, chính xác.

-Cung cấp thông tin kinh tế cần thiết cho các đối tượng sử dụng thông tin liên quan. Định kỳ tiến hành phân tích kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình phân phối lợi nhuận để từ đó tham mưu cho ban lãnh đạo về các giải pháp gia tăng lợi nhuận .

1.3 Nội dung tổ chức hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.3.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.3.1.1 Điều kiện ghi nhận doanh thu

❖ Đối với doanh thu bán hàng .

Doanh thu bán hàng chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

-Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp cho người mua, có nghĩa là khi đã chuyển giao rồi nếu xảy ra các hiện tượng như mất, bị hỏng thì sự thiệt hại này các đơn vị mua hàng phải gánh chịu, doanh nghiệp không phải chịu bất kỳ một tổn thất nào.

-Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

-Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

-Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

-Xác định được chi phí liên quan đến bán hàng.

❖ **Doanh thu cung cấp dịch vụ.**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ kế toán theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn 4 điều kiện sau:

-Doanh thu có được tương đối chắc chắn.

-Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

-Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

-Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Việc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ thực hiện khi các doanh nghiệp đã cung cấp dịch vụ và dịch vụ được bên giao dịch mua dịch vụ chấp thuận. Giá trị của dịch vụ được bên nhận dịch vụ chấp nhận thanh toán. Khoản thu từ việc cung cấp dịch vụ này tại thời điểm cung cấp dịch vụ là chắc chắn có thể thu được do sự chấp nhận của bên nhận dịch vụ.

Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu của dịch vụ trong từng kỳ thường được thực hiện theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành. Theo phương pháp này, doanh thu được ghi nhận trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ phần công việc đã hoàn thành.

❖ Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng thời kỳ.
- Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Trên đây là một số những quy định chung khi ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Do đó những khoản thu nào không thỏa mãn những điều kiện nêu trên không thể được ghi vào doanh thu trong kỳ của các doanh nghiệp.

1.3.1.2 Một số nguyên tắc khi hạch toán doanh thu

-Doanh thu và chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế phát sinh phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp và phải theo năm tài chính.

-Doanh thu chỉ được hạch toán khi khối lượng các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được xác định là tiêu thụ trong kỳ.

-Doanh thu bán hàng (kể cả bán hàng nội bộ) phải được theo dõi cụ thể và riêng biệt theo từng loại hình kinh doanh. Trong từng loại doanh thu lại được chi tiết theo từng loại sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ... nhằm phục vụ cho việc xác định đầy đủ, chính xác kết quả kinh doanh trong kỳ theo yêu cầu quản lý tài chính và lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Khi ghi nhận một khoản doanh thu các doanh nghiệp phải xác định khoản doanh thu này chịu thuế gì và tỷ lệ là bao nhiêu phần trăm(%). Việc xác định một khoản doanh thu có chịu thuế hay không các doanh nghiệp phải căn cứ vào luật thuế của nhà nước ban hành từ đó tính đúng được giá trị doanh thu đem lại từ việc bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ của đơn vị mình. Việc xác định xem doanh thu của doanh nghiệp mình chịu thuế hay không giúp cho doanh nghiệp thấy được phần doanh thu thực tế đạt được, từ đó cho thấy được sự phát triển thực sự của doanh nghiệp qua các kỳ kinh doanh.

1.3.1.3 Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng

1.3.1.3.1 Chứng từ sử dụng

Doanh thu được hạch toán phải có căn cứ cụ thể, hợp pháp. Mỗi một loại doanh thu được ghi nhận theo từng phương pháp bán hàng lại có những chứng từ phù hợp để ghi nhận doanh. Chứng từ doanh thu gồm những loại sau đây:

- Đối với bán hàng thông thường
 - Hóa đơn GTGT (đối với những đơn vị hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ).
 - Hóa đơn bán hàng thông thường
 - Phiếu xuất kho
 - Phiếu thu tiền hoặc giấy báo có của ngân hàng.

- Đối với bán hàng đại lý

Ngoài những chứng từ sử dụng như trong bán hàng thông thường còn có bảng kê hàng hóa bán ra, bảng kê hàng hóa nhập vào...

- Đối với bán lẻ

Nếu hàng hóa bán lẻ dưới 100.000 đồng thì không cần lập hóa đơn nếu khách hàng không yêu cầu. Ngoài những chứng từ sử dụng như trong trường hợp bán hàng thông thường thì đối với bán lẻ cần phải lập bảng kê bán ra.

1.3.1.3.2 Tài khoản sử dụng

❖ *Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản:

* *Bên nợ:*

- Số thuế TTĐB, thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.
- Số thuế GTGT phải nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

* *Bên có :*

Doanh thu bán hàng sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

Tùy theo điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu mỗi doanh nghiệp sẽ xây dựng chi tiết các tài khoản cấp hai cho phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp mình. Tài khoản 511 chi tiết thành 6 tiểu khoản cấp 2

- Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa
- Tài khoản 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5113 –Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 5114 –Doanh thu trợ cấp giá
- Tài khoản 5117 –Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
- Tài khoản 5118 –Doanh thu khác

❖ Tài khoản 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản:*** Bên nợ:**

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán.

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ.

- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ.

- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

*** Bên có:**

Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ

Tài khoản 512 có 3 tiểu khoản cấp 2:

- Tài khoản 5121 – Doanh thu bán hàng hóa

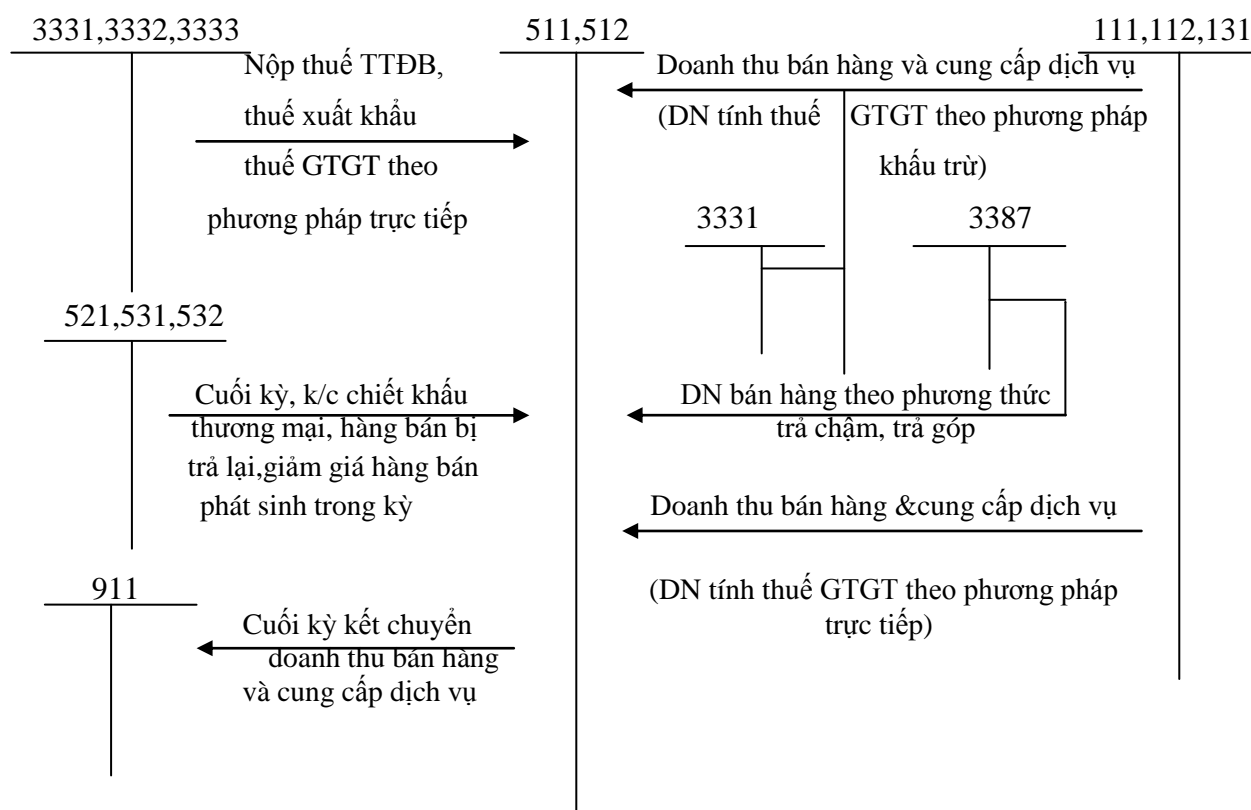
- Tài khoản 5121 – Doanh thu bán các thành phẩm

- Tài khoản 5121 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

1.3.1.3.3 Quy trình hạch toán một số nghiệp vụ ghi nhận doanh thu chủ yếu

Quy trình hạch toán doanh thu của doanh nghiệp được thể hiện thông qua sơ đồ kế toán như sau:

Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



1.3.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Trong quá trình kinh doanh, doanh nghiệp bị giảm doanh thu bán hàng do các nguyên nhân: thực hiện chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, doanh nghiệp nộp thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp hoặc thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, được tính vào doanh thu ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần làm cơ sở tính kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán. Các khoản giảm trừ doanh thu phải được phản ánh theo dõi trực tiếp, riêng biệt trên những tài khoản kế toán phù hợp để lập trên báo cáo tài chính.

1.3.2.1 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Phiếu nhập kho
- Các chứng từ khác có liên quan

1.3.2.2 Tài khoản sử dụng

1.3.2.2.1 Tài khoản 521 “Chiết khấu thương mại”

Khi hạch toán tài khoản này cần chú ý một số quy định sau:

- Chỉ hạch toán vào tài khoản này khoản chiết khấu thương mại người mua được hưởng đã thực hiện trong kỳ theo đúng quy định của doanh nghiệp.

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng lần cuối cùng.

- Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào tài khoản 521. Doanh thu bán hàng phải phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

- Phải theo dõi chi tiết chiết khấu thương mại đã thực hiện cho từng khách hàng và từng loại hàng bán .

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản:

✧ *Bên nợ:*

Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

✧ *Bên có:*

Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần kỳ báo cáo.

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ

1.3.2.2.2 Tài khoản 531 “Hàng bán bị trả lại”

Tài khoản này phản ánh giá trị số hàng bán bị trả lại tính theo đúng đơn giá bán ghi trên hóa đơn.

Hàng bán bị trả lại phải nhập kho thành phẩm, hàng hóa và xử lý theo chính sách tài chính, thuế hiện hành.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản:* *Bên nợ:*

Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.

* *Bên có:*

Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên nợ tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc tài khoản 512 “Doanh thu hàng bán nội bộ” để xác định doanh thu thuần kỳ báo cáo.

Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ

1.3.2.2.3 Tài khoản 532 “Giảm giá hàng bán ”

Tài khoản này phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán.

Chỉ phản ánh vào tài khoản này các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá sau khi đã bán hàng và phát hành hóa đơn (giảm giá ngoài hóa đơn) do hàng bán kém chất lượng, mất phẩm chất.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản:* *Bên nợ:*

Các khoản giảm giá đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

* *Bên có:*

Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc tài khoản 512 “Doanh thu hàng bán nội bộ” để xác định doanh thu thuần kỳ báo cáo.

Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ

1.3.2.2.4 Các khoản thuế làm giảm doanh thu

-Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp được tính:

Thuế GTGT phải nộp = GTGT x Thuế suất thuế GTGT (%)

GTGT = Giá thanh toán của hàng hóa

$$GTGT = \frac{\text{Giá thanh toán của hàng hóa dịch vụ bán ra}}{\text{Giá thanh toán của hàng hóa dịch vụ mua vào tương ứng}}$$

-Thuế tiêu thụ đặc biệt: Là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp trong trường hợp doanh nghiệp tiêu thụ những mặt hàng thuộc danh mục vật tư, hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt

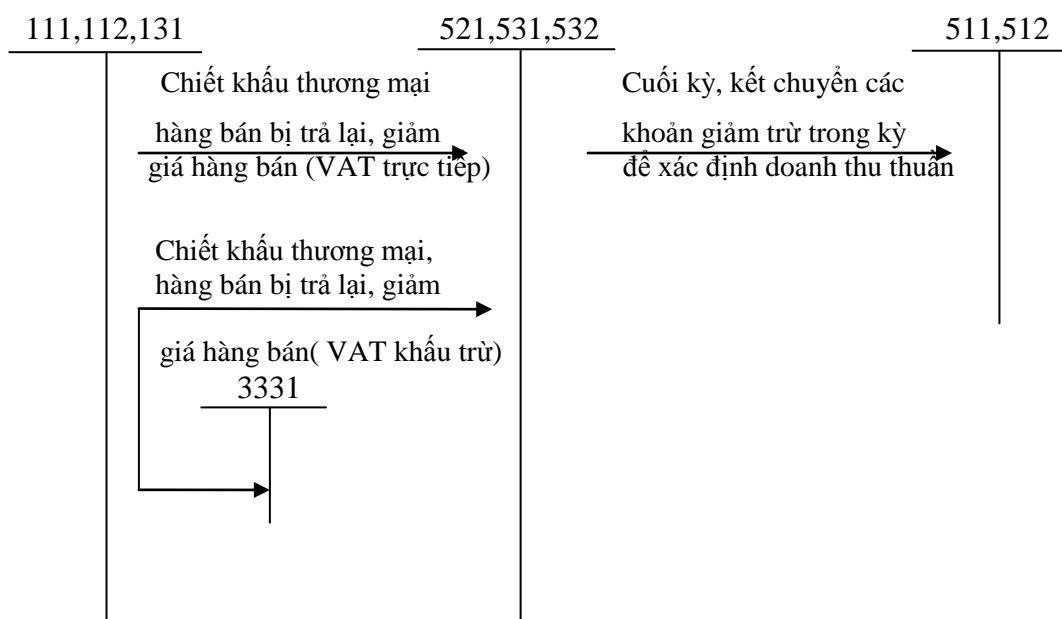
$$\text{Thuế TTĐB phải nộp} = \text{Giá tính thuế TTĐB} \times \text{thuế suất}$$

-Thuế xuất khẩu: Là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu hàng hóa mà hàng hóa đó phải chịu thuế xuất khẩu.

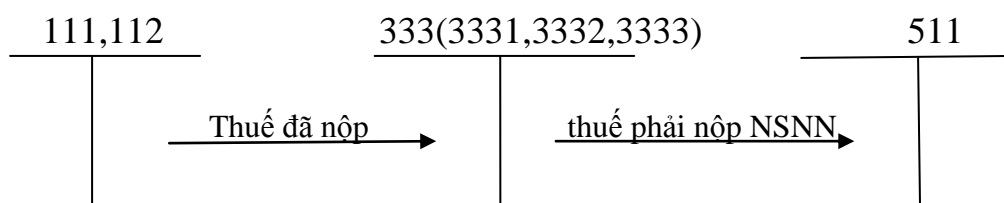
1.3.2.3 Quy trình hạch toán một số nghiệp vụ làm giảm doanh thu

Quy trình hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát theo 2 sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.2: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu



Sơ đồ 1.3 Kế toán các khoản thuế làm giảm doanh thu



1.3.3 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí hoạt động tài chính

Là những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Doanh thu hoạt động tài chính gồm: Tiền lãi, thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản, cổ tức, lợi nhuận được chia, thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng, thu nhập về hoạt động đầu tư khác, chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ, chênh lệch chuyển nhượng vốn,...

1.3.3.1 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo nợ, giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan

1.3.3.2 Tài khoản sử dụng

❖ *Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”*

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản:

✱ *Bên nợ:*

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” .

✱ *Bên có:*

- Tiền lãi cổ tức, lợi nhuận được chia
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh sau khi bán ngoại tệ

- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.

-Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản(giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính.

-Doanh thu tài chính khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

❖ Tài khoản 635 “Chi phí hoạt động tài chính”

Tài khoản này phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến hoạt động tài chính.

Tài khoản 635 phải được hạch toán chi tiết cho từng nội dung chi phí

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản

✧ *Bên nợ:*

-Chi phí tiền lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính

-Lỗ bán ngoại tệ

-Chiết khấu thanh toán cho người mua

-Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện);

-Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện)

-Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết)

-Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành và phân bổ vào chi phí tài chính.

-Các khoản chi phí tài chính khác

✧ *Bên có:*

-Hoàn thành dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết)

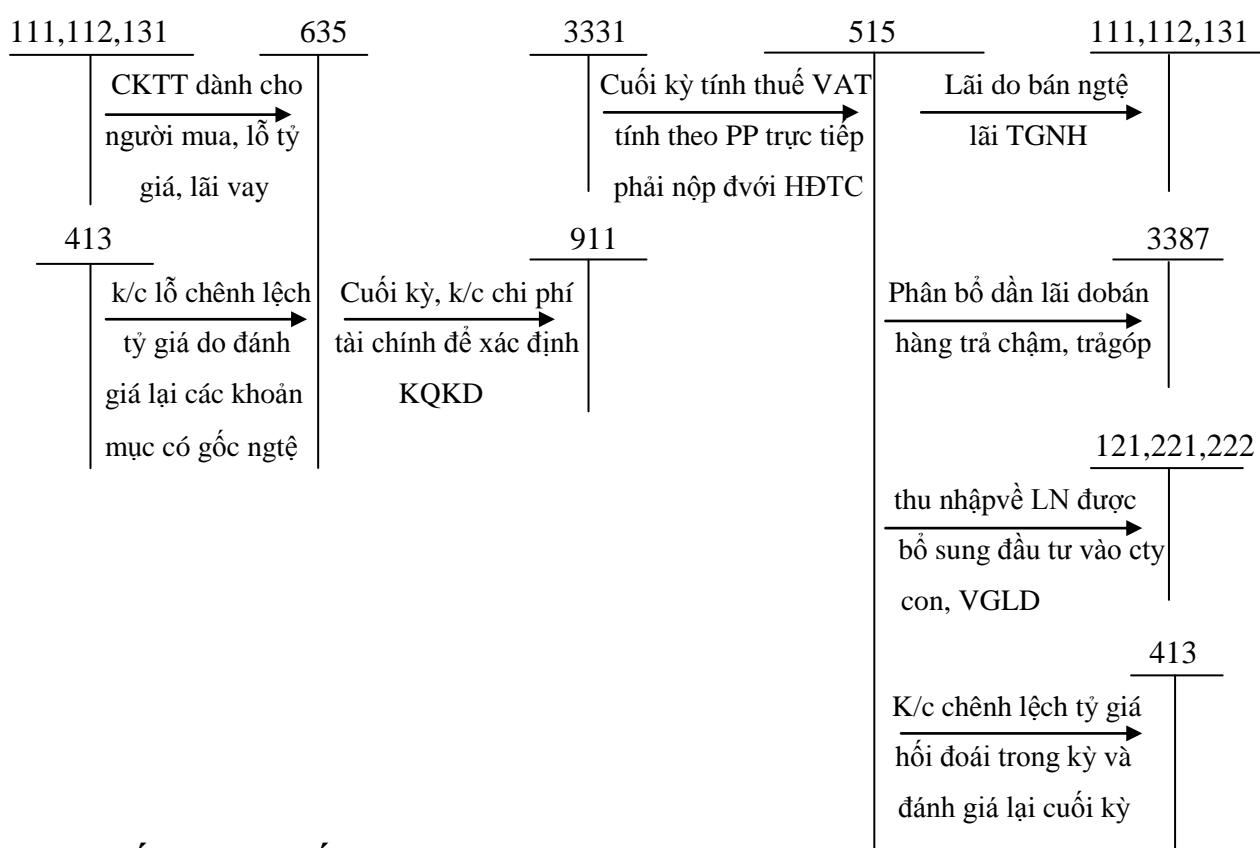
-Cuối kỳ kê toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

1.3.3.3 Quy trình hạch toán một số nghiệp vụ

Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính được khái quát qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.4 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính



1.3.4 Kế toán giá vốn hàng bán

1.3.4.1 Các phương pháp tính giá vốn hàng bán

-Đối với doanh nghiệp sản xuất: Trị giá vốn hàng xuất kho để bán hoặc thành phẩm hoàn thành không nhập kho đưa bán ngay chính là giá thành sản xuất thực tế của thành phẩm xuất kho hoặc của giá thành sản xuất thực tế của sản phẩm hoàn thành.

-Đối với doanh nghiệp thương mại: Trị giá vốn của hàng xuất kho để bán bao gồm: Trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán.

Có 4 phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho

❖ *Phương pháp Nhập trước-Xuất trước (FIFO)*

Theo phương pháp này, số vật liệu nhập trước thì xuất trước, xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau theo giá thực tế của từng số hàng xuất. Nói cách khác, cơ sở của phương pháp này là giá thực tế vật liệu mua trước sẽ được dùng làm giá cho vật liệu xuất trước. Do vậy, giá vật liệu tồn kho cuối kỳ sẽ là giá vật liệu mua sau cùng.

Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm.

❖ *Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO)*

Phương pháp này định giá vật liệu mua sau cùng sẽ được xuất đầu tiên, ngược lại với phương pháp nhập trước, xuất trước.

Phương pháp này thích hợp trong trường hợp lạm phát.

❖ *Phương pháp thực tế đích danh*

Theo phương pháp này, vật liệu được xác định giá trị theo đơn chiếc hay từng lô, giữ nguyên từ lúc nhập cho đến lúc xuất dùng (trừ trường hợp điều chỉnh). Khi xuất vật liệu nào sẽ tính giá thực tế của vật liệu đó.

Do vậy, phương pháp này còn có tên là phương pháp đặc điểm riêng và thường được sử dụng với vật liệu có giá trị cao, có tính tách biệt.

❖ *Phương pháp bình quân gia quyền*

Theo phương pháp này, giá thực tế của hàng xuất kho được tính theo giá bình quân.

$$\begin{matrix} \text{Trị giá thực tế hàng xuất kho} \\ \text{Trị giá hàng xuất kho} \end{matrix} = \begin{matrix} \text{Số lượng thực tế} \\ \text{hàng xuất kho} \end{matrix} \times \begin{matrix} \text{Đơn giá thực tế} \\ \text{Giá đơn vị} \\ \text{bình quân} \end{matrix}$$

Giá đơn vị bình quân được tính theo một trong hai cách sau:

*Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ

$$\begin{matrix} \text{Giá đơn vị bình quân} \\ \text{cả kỳ dự trữ} \end{matrix} = \frac{\text{Trị giá hàng i tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng i tồn đầu kỳ} + \text{lượng hàng i nhập trong kỳ}}$$

Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ này mặc dù đơn giản, dễ làm nhưng độ chính xác không cao, hơn nữa công việc tính toán dồn vào cuối tháng gây ảnh hưởng đến công việc quyết toán chung.

*Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập (Bình quân gia quyền liên hoàn)

$$\text{Giá đơn vị bình quân gia quyền sau lần nhập } j = \frac{\text{Trị giá hàng tồn sau lần nhập } j}{\text{Lượng hàng tồn sau lần nhập } j}$$

Phương pháp giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập khắc phục nhược điểm của phương pháp trên, vừa chính xác, vừa cập nhật. Nhược điểm của phương pháp này tốn nhiều công sức, tính toán nhiều lần.

1.3.3.2 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, hợp đồng kinh tế
- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

1.3.3.3 Tài khoản sử dụng

Tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (Đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

Ngoài ra tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nghiệp vụ cho thuê bất động sản đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát sinh không lớn), chi phí nhượng bán,...

Kết cấu tài khoản

❖ Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

* Bên nợ:

- Giá vốn hàng đã bán
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ,

-Các khoản hao hụt , mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ kho phân bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra

-Chi phí xây dựng , tự chế TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.

-Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết)

✧ *Bên có:*

-Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).

-Kết chuyển giá vốn hàng đã xuất bán vào bên Nợ tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

❖ Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

✧ *Bên nợ:*

-Trị giá vốn thành phẩm tồn kho đầu kỳ

-Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết)

-Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành

✧ *Bên có:*

-Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên nợ TK 155 “Thành phẩm”

-Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước)

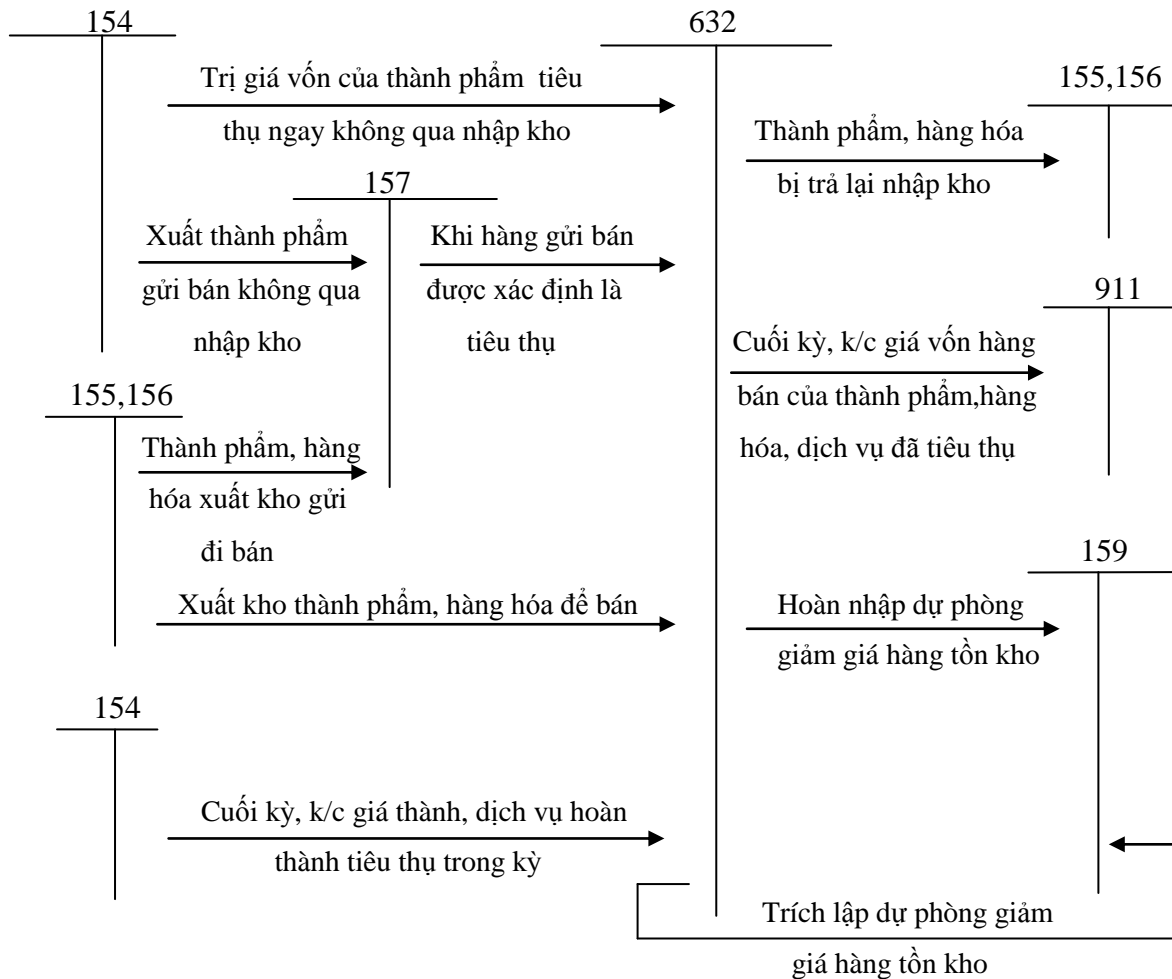
- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định đã bán trong kỳ vào bên nợ tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

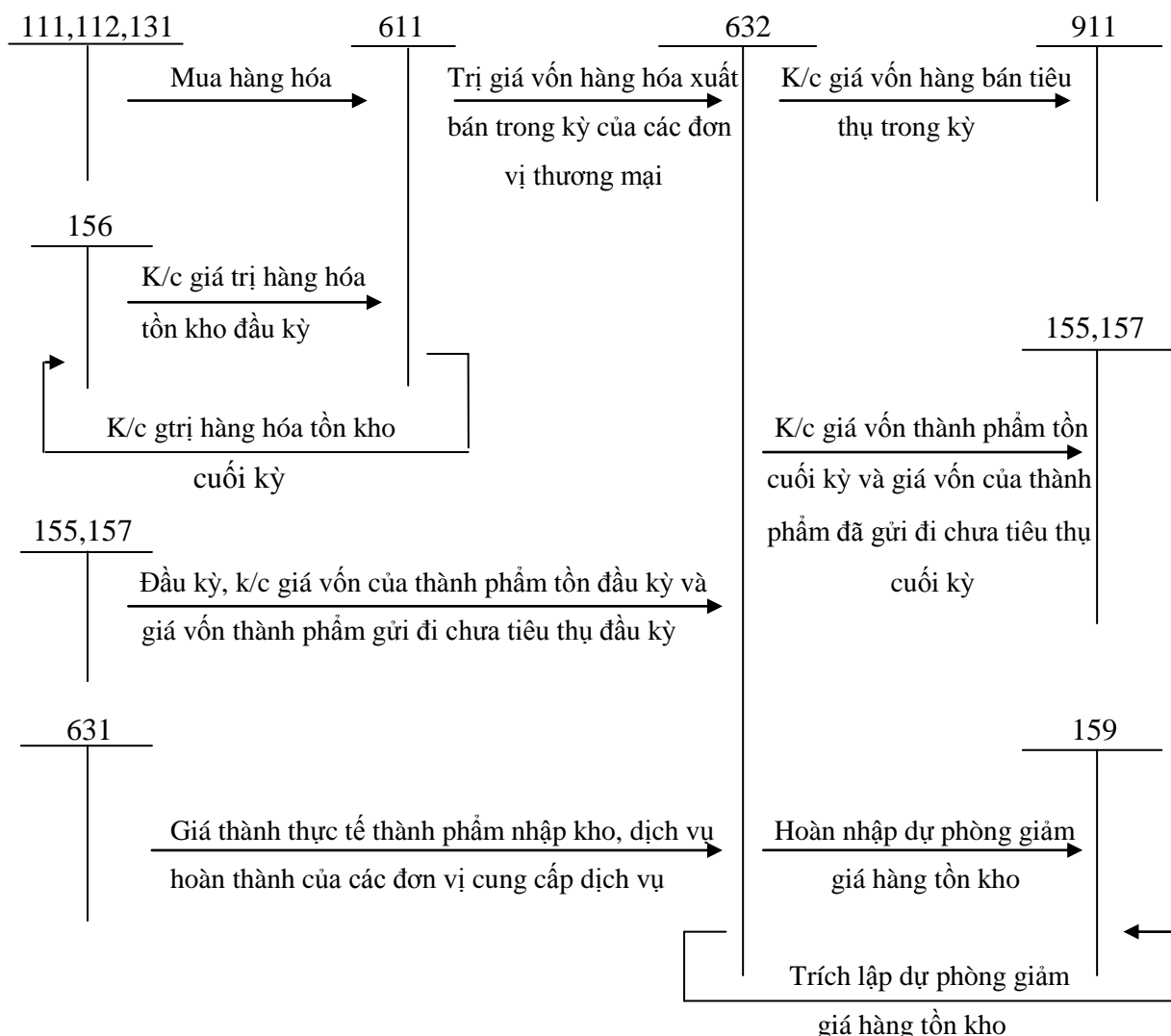
1.3.3.4 Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kiểm kê định kỳ được khái quát theo 2 sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.5 Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.6 Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.3.5 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

1.3.5.1 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- Bảng phân bổ lương và các khoản trích theo lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao
- Các chứng từ có liên quan khác

1.3.5.2 Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 641 “Chi phí bán hàng”

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản

✧ *Bên nợ:*

Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ

✧ *Bên có:*

Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh ” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ

Tài khoản 641 chi tiết thành 7 tài khoản cấp 2:

- TK 6411: Chi phí nhân viên
- TK6412: Chi phí vật liệu, bao bì
- TK6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6415: Chi phí bảo hành
- TK6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK6418: Chi phí bằng tiền khác

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ

❖ Tài khoản 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản

✧ *Bên nợ*

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết)
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

※ *Bên có:*

-Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết)

-Kết chuyển Chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh ” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ

Tài khoản 642 chi tiết thành 8 tiểu khoản ;

-TK6421: Chi phí nhân viên quản lý

-TK6422: Chi phí vật liệu quản lý

-TK6423: Chi phí đồ dùng văn phòng

-TK6424: Chi phí khấu hao TSCĐ

-TK6425: thuế , phí và lệ phí

-TK6426: Chi phí dự phòng

-TK6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài

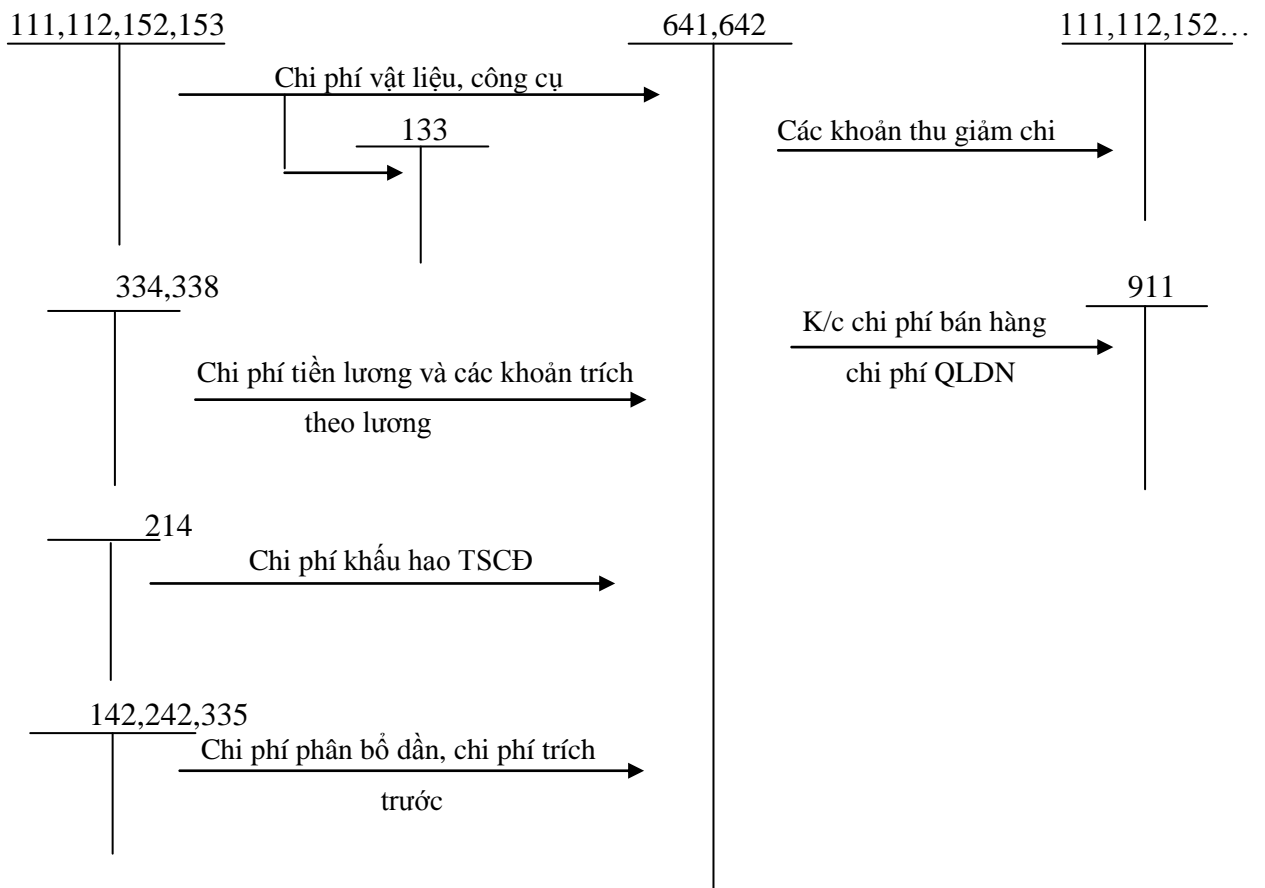
-TK6428: Chi phí bằng tiền khác

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ

1.3.5.3 Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được khái quát qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.7: Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp



1.3.6 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.3.6.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi
- Biên bản giao nhận, thanh lý TSCĐ
- Các chứng từ có liên quan khác

1.3.6.2 Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 711 “Thu nhập khác”

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản

※ Bên nợ:

-Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

-Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

※ Bên có:

-Thu về thanh lý, nhượng bán TSCĐ

-Nợ khó đòi đã xóa sổ nay thu hồi được

-Các khoản nợ không ai đòi ghi tăng thu nhập

-Các khoản thu nhập của năm trước bị bỏ sót, hay quên ghi sổ năm nay phát hiện ra

-Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

❖ Tài khoản 811 “Chi phí khác”

Tài khoản này phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động SXKD tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản

※ Bên nợ:

- Số tiền phạt do vi phạm hợp đồng, bị phạt thuế, truy thu thuế
- Các chi phí liên quan đến xử lý thiệt hại trong trường hợp đã mua bảo hiểm
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán, lãi tiền vay quá hạn vượt khung, số tiền ký quỹ bị phạt
- Các khoản chi phí khác phát sinh

✳ *Bên có:*

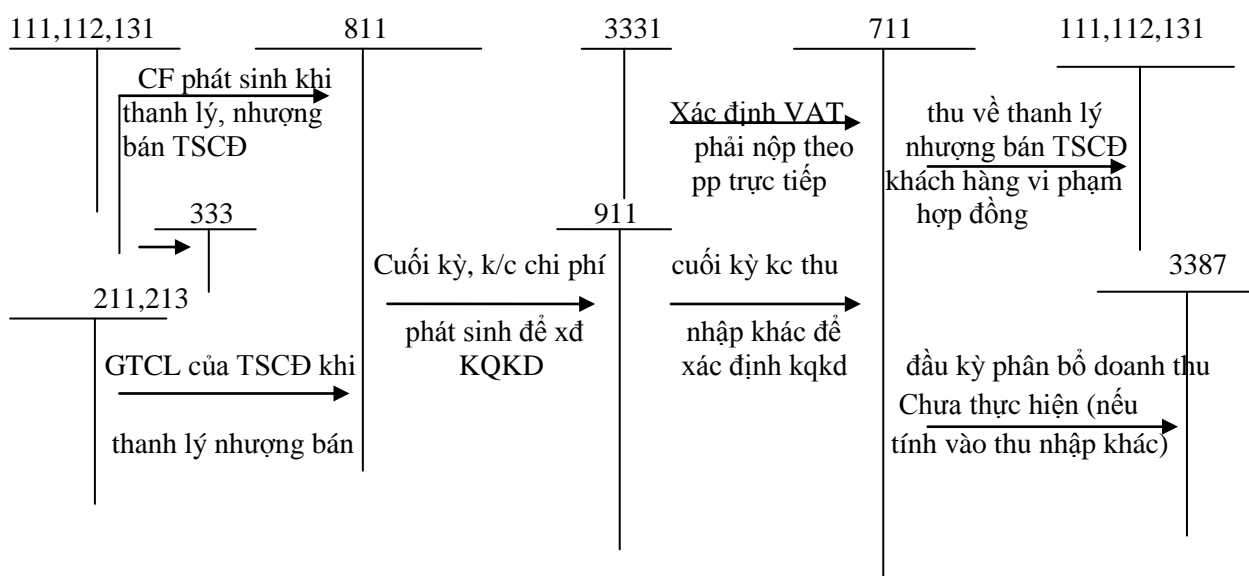
Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

1.3.6.3 Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.8: Kế toán thu nhập khác và chi phí khác



1.3.7 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.3.7.1 Chứng từ sử dụng

Phiếu kế toán

1.3.7.2 Tài khoản sử dụng

Tài khoản 821 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính hiện hành.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản

* Bên nợ

-Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm.

-Chi phí thuế TNDN của năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện tại

* Bên có:

-Chi phí thuế TNDN được điều chỉnh do giảm số đã ghi nhận trong năm lớn hơn số quyết toán thuế TNDN năm.

-Chi phí thuế TNDN được ghi giảm do sai sót phát hiện không trọng yếu của năm trước,

-Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành vào bên nợ tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản 821 có 2 tiểu khoản

-TK8211: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

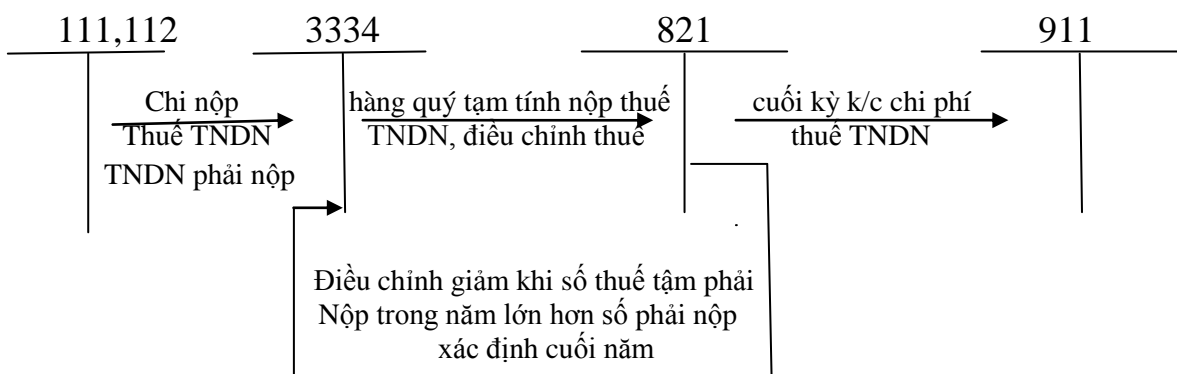
- TK8212: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài khoản 821 không có số dư

1.3.7.3 Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán thuế thu nhập doanh nghiệp được khái quát qua sơ đồ sau:

Sơ đồ1.9: Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp



1.3.8 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.3.8.1 Chứng từ sử dụng

Phiếu kế toán

1.3.8.2 Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong kỳ kế toán năm.

Hạch toán tài khoản này cần tôn trọng một số quy định sau:

-Tài khoản này phải phản ánh đầy đủ, chính xác các khoản kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán theo đúng quy định của chính sách tài chính hiện hành.

-Kết quả hoạt động kinh doanh phải được hạch toán chi tiết theo từng loại hoạt động (hoạt động sản xuất, chế biến, hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ, hoạt động tài chính...). Trong từng loại hoạt động kinh doanh có thể cần hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, từng ngành hàng, từng loại dịch vụ.

-Các khoản doanh thu và thu nhập khác kết chuyển vào tài khoản này phải là số doanh thu thuần và thu nhập thuần.

* Bên nợ

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư đã bán
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, chi phí khác.
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Kết chuyển lãi

* Bên có

_Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư đã bán trong kỳ.

_Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và các khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp,

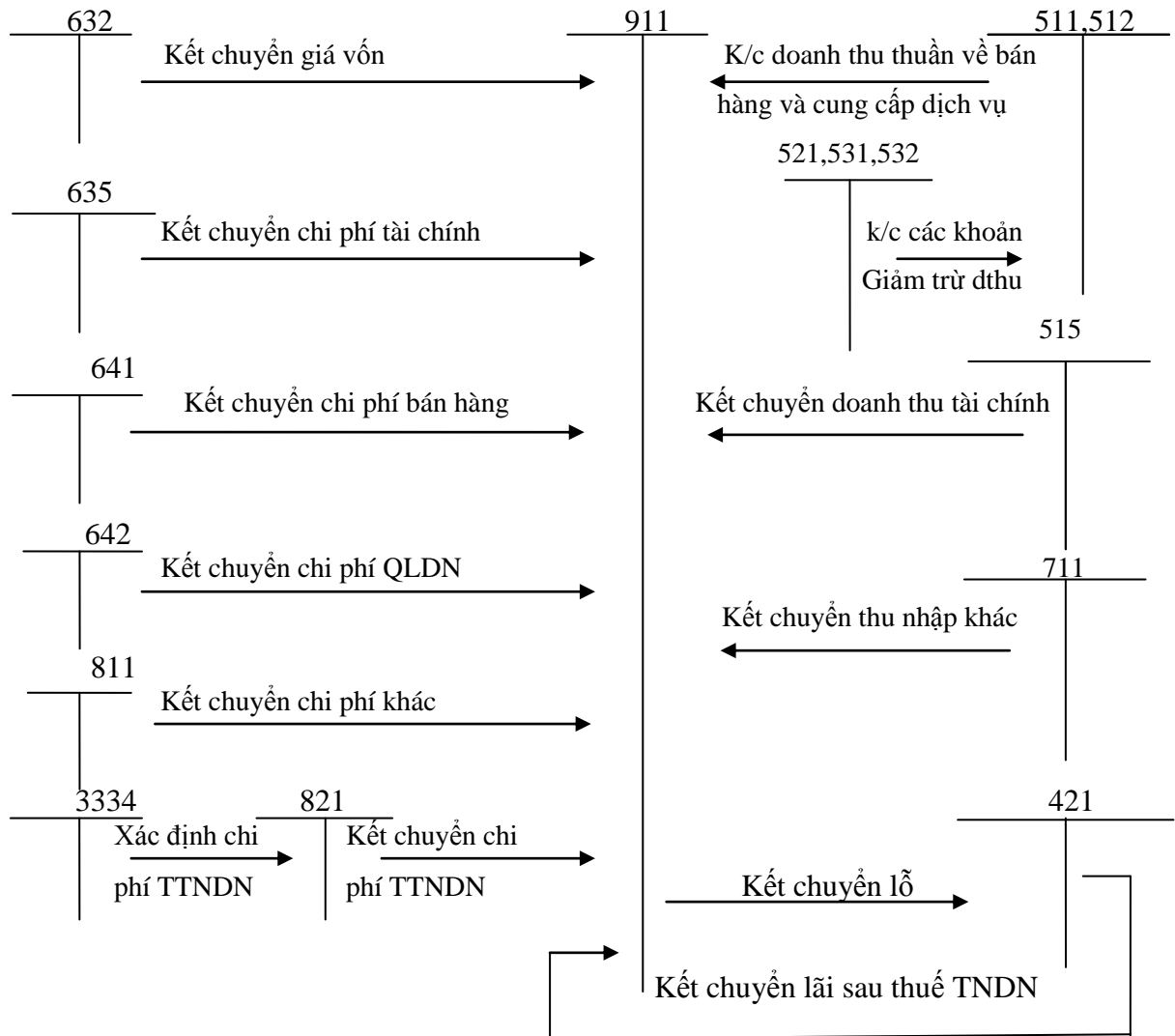
-Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

1.3.8.3 Quy trình hạch toán

Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh được khái quát thông qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.10 Kế toán xác định kết quả kinh doanh



CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP VẬT LIỆU KỸ THUẬT ĐIỆN

2.1 Khái quát về công ty CP Vật liệu kỹ thuật điện

- Tên công ty : Công ty cổ phần vật liệu kỹ thuật điện
- Tên tiếng anh : ELECTRICAL TECHNICAL MATERIALS J.S.C
- Tên viết tắt : VICADI
- Địa chỉ : 991A Tôn Đức Thắng - Sở Dầu - Hồng Bàng - Hải Phòng
- Loại hình : Công ty cổ phần
- Điện thoại : 0313.835507
- Vốn điều lệ : 10.200.000.000 đồng.
- Biểu tượng công ty :



2.1.1. Sơ lược về quá trình hình thành và phát triển của công ty

Tiền thân của Công ty là phân xưởng Vật liệu cách điện của Sở Điện lực Hải Phòng được Bộ Năng lượng quyết định tách ra thành lập Xí nghiệp Vật liệu cách điện theo quyết định 507/ML/TTC-LĐ vào ngày 1/4/1988. Ban đầu trụ sở đặt tại khu vực Chợ Cột Đèn cho đến tháng 10/1989 thì toàn bộ hoạt động của Xí nghiệp được chuyển giao về trụ sở chính của Xí nghiệp hiện nay.

Vào những năm 1990 khi tình hình thế giới có nhiều sự biến động về chính trị và giá cả các loại nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất thì Bộ Năng lượng và Công ty Điện lực 1 đã quyết định giao cho Xí nghiệp tiếp nhận: Nhà máy Thủy tinh cách điện Thái Bình và Nhà máy Sứ cách điện Quế Võ - Hà Bắc và đổi tên thành Xí nghiệp Liên hợp vật liệu cách điện. Trong khó khăn như vậy nhưng Xí nghiệp Liên

hợp non trẻ đã huy động toàn bộ nội lực và công nghệ khắc phục sản xuất và thu được nhiều thành tựu quý giá.

Đến ngày 14/9/1992 thực hiện quyết định 388/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng về sắp xếp lại các doanh nghiệp, Bộ Năng lượng và Công ty Điện lực 1 ra quyết định giải thể Xí nghiệp Liên hợp Vật liệu cách điện tách ra thành 2 Xí nghiệp là: Xí nghiệp Vật liệu cách điện và Xí nghiệp Sứ - Thủy tinh cách điện.

Tháng 1/1998 Xí nghiệp được sự đồng ý của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam đã được chuyển giao và trực thuộc Công ty Viễn thông Điện lực.

Từ 1/7/2002 Xí nghiệp lại được chuyển đổi cơ quan chủ quan sang trực thuộc Công ty Điện lực 1 thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam.

Đến tháng 7 năm 2004 theo Quyết định của Bộ Công nghiệp và Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, Xí nghiệp đã thực hiện xong công tác cổ phần hoá và chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần (trong đó Nhà nước nắm giữ 51% giá trị tài sản).

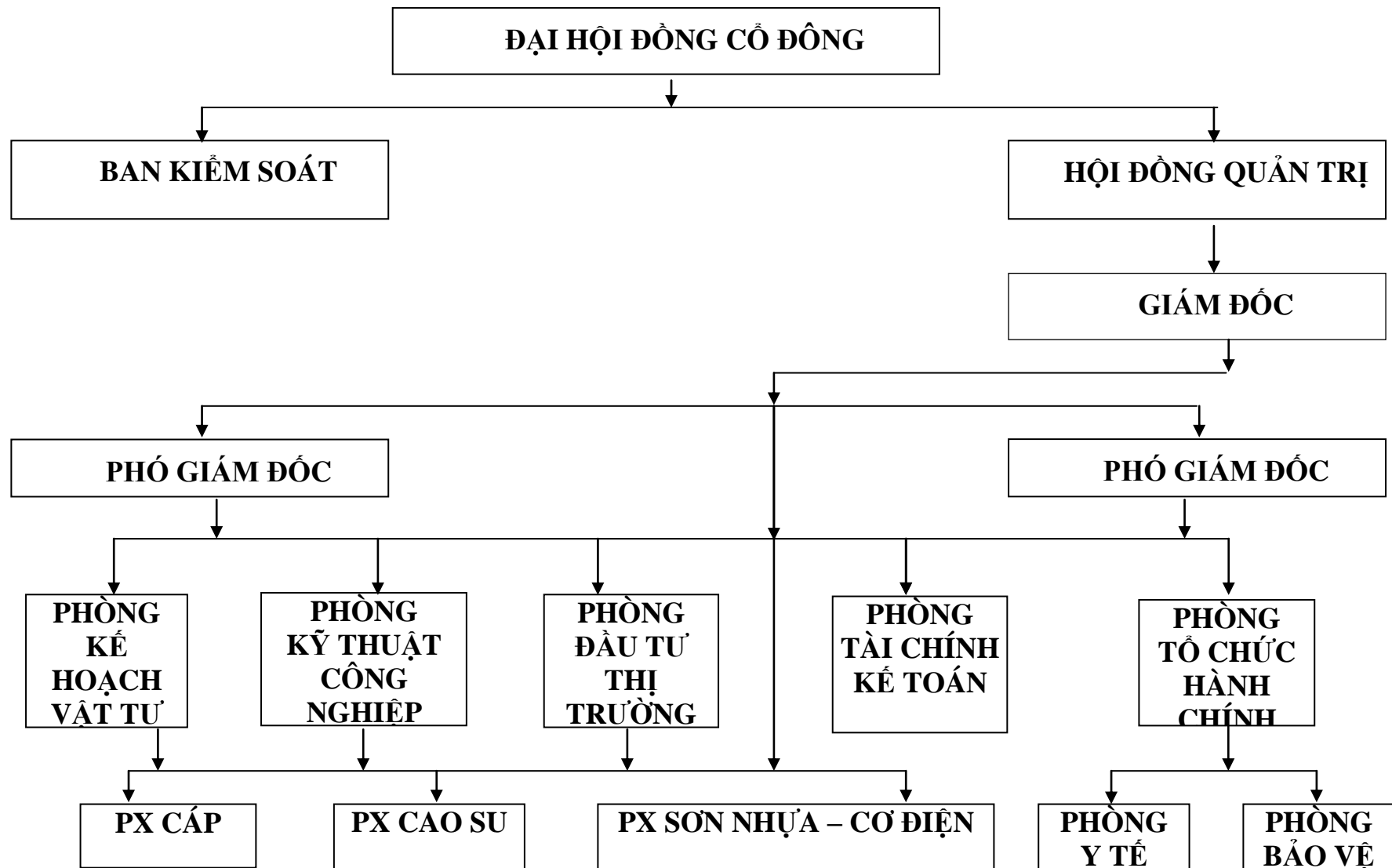
2.1.2 Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 0203000931_CTCP do Sở Kế hoạch và đầu tư Hải Phòng cấp ngành nghề kinh doanh chủ yếu của công ty là Sản xuất kinh doanh các sản phẩm dây, cáp điện và các sản phẩm bằng vật liệu cao su, nhựa, composite; Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị điện, điện tử, cơ khí và vật liệu cao su, nhựa, composite; Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp và xây lắp các công trình điện có cấp điện áp đến 110 kV...

2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Là một doanh nghiệp cổ phần hoá, công ty thực hiện tổ chức quản lý theo một cách đơn giản, gọn nhẹ nhằm tạo sự thuận lợi và hiệu quả trong việc quản lý. Bộ máy quản lý của công ty xác định rõ chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ công tác giữa các phòng, ban và phân xưởng đảm bảo sự hợp tác chặt chẽ thống nhất tạo ra sự thông suốt trong công việc.

Cơ cấu tổ chức của công ty được thực hiện theo sơ đồ 2.1 như sau:



Nguồn: Phòng Tổ chức hành chính Công ty cổ phần Vật liệu kỹ thuật điện

** Chức năng của từng bộ phận :*

- Đại hội cổ đông: bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, có nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển của công ty, tất cả các cổ đông đều có quyền tham gia biểu quyết.

- Hội đồng quản trị: là cơ quan quản lý, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề có liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty, trừ vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội cổ đông.

- Ban kiểm soát: Các thành viên ban kiểm soát là những người thay mặt Đại hội cổ đông hoạt động theo quyết định của Trường ban kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản lý, điều hành của Công ty.

- Giám đốc: Do HĐQT bổ nhiệm, là người quản lý, điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, là đại diện pháp nhân của công ty trong các hoạt động giao dịch, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của công ty.

- Phó giám đốc: Chịu trách nhiệm trực tiếp trước Giám đốc và chịu trách nhiệm liên đới với Giám đốc trước HĐQT về các phần việc được phân công.

- Phòng Kế hoạch vật tư: Có chức năng là lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sản xuất.

- Phòng Kỹ thuật công nghiệp: Có chức năng thiết kế các khuôn mẫu, thiết kế các sản phẩm, kiểm tra quá trình sản xuất các sản phẩm, kiểm tra chất lượng kỹ thuật máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu đầu vào, kiểm tra chất lượng sản phẩm.

- Phòng Đầu tư thị trường: Có chức năng trong việc tìm hiểu, nghiên cứu thị trường về cung cũng như cầu và tìm kiếm các đối tác kinh doanh cho công ty.

- Phòng Tài chính kế toán: Là phòng nghiệp vụ giúp cho giám đốc công ty trong việc tổ chức và chỉ đạo thực hiện toàn bộ công tác tài chính, kế toán.

- Phòng Tổ chức hành chính: Là một bộ phận chức năng giúp cho giám đốc trong việc tổ chức thực hiện công tác với cấp trên, cấp dưới, chính quyền địa phương và tổ chức quản lý tuyển dụng và điều phối nhân lực.

- Phân xưởng cáp: Có chức năng chính là sản xuất các sản phẩm dây cáp điện. Sản xuất mới và gia công tái chế các dây cáp điện thu hồi.

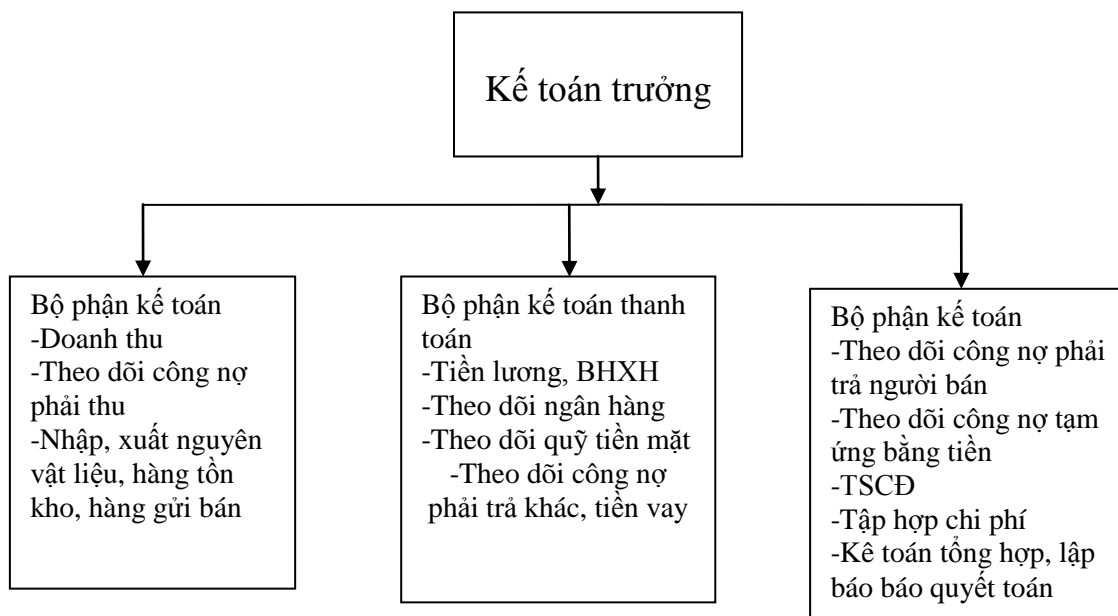
- Phân xưởng cao su: Có chức năng chính sản xuất các sản phẩm cao su như găng, ủng, thảm cách điện và bảo hộ lao động, thảm thể dục thể thao.

- Phân xưởng sơn nhựa cơ điện: Bao gồm 02 tổ sơn nhựa và cơ điện. Tổ Sơn nhựa có chức năng là sản xuất các sản phẩm như hộp đựng công tơ, hộp đấu dây, sào cách điện... Tổ cơ điện có chức năng chế tạo các khuôn mẫu, sản xuất các sản phẩm cơ khí phụ trợ cung cấp cho quá trình hoàn thiện các sản phẩm chính.

2.1.4 Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

Để tổ chức bộ máy kế toán hợp lý, gọn nhẹ, có hiệu quả đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, chính xác công ty đã lựa chọn hình thức kế toán tập trung. Hình thức này tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, chỉ đạo nghiệp vụ và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của ban lãnh đạo công ty đối với hoạt động kinh doanh nói chung và công tác kế toán nói riêng

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán của công ty CP vật liệu kỹ thuật điện



Nhiệm vụ của các thành viên phòng kế toán:

+**Kế toán trưởng** : Là người điều hành mọi công việc của phòng kế toán, trực tiếp kiểm tra các nghiệp vụ kinh phát sinh, ký duyệt chứng từ, báo cáo trước khi trình giám đốc. Đồng thời phải ký duyệt quyết toán quý, năm theo đúng quá trình

kinh doanh. Kế toán trưởng đồng thời phụ trách kế toán tiêu thụ và tính toán kết quả kinh doanh.

+**Kế toán vật tư thành phẩm**: Theo dõi doanh thu, theo dõi công nợ phải thu, nhập, xuất nguyên vật liệu, hàng tồn kho, hàng gửi bán

+ **Bộ phận kế toán thanh toán** : Tiền lương, BHXH, theo dõi ngân hàng, theo dõi quỹ tiền mặt, theo dõi công nợ phải trả khác, tiền vay

+**Kế toán tổng hợp**: Là người có trách nhiệm, theo dõi công nợ phải trả người bán theo dõi công nợ tạm ứng bằng tiền, TSCĐ, tập hợp chi phí, kế toán tổng hợp, lập báo cáo quyết toán

2.1.5. Hình thức tổ chức công tác kế toán tại công ty

2.1.5.1 Tổ chức hệ thống chứng từ tại công ty

Công ty cổ phần Vật liệu kỹ thuật điện tổ chức và vận dụng hệ thống chứng từ ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ/BTC ngày 20 tháng 3 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

2.1.5.2 Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán:

Công ty cổ phần Vật liệu kỹ thuật điện tổ chức và vận dụng hệ thống tài khoản ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ/BTC ngày 20 tháng 3 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

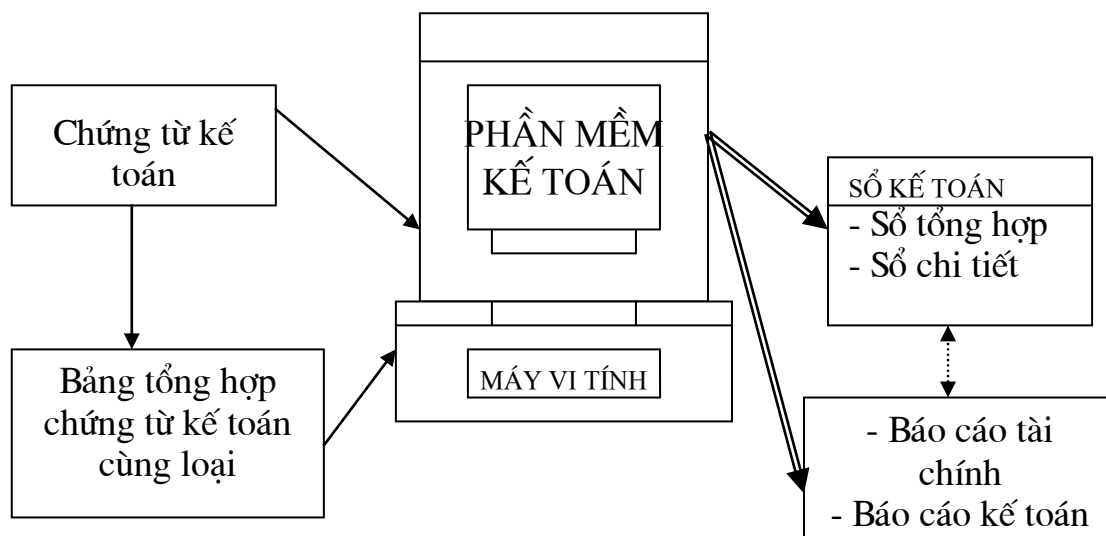
2.1.5.3 Tổ chức hệ thống sổ kế toán tại công ty

Công ty thực hiện hình thức kế toán Nhật Ký Chung nhưng được thực hiện qua hệ thống máy vi tính được trang bị cho nhân viên kế toán. Ưu điểm của kế toán máy là tất cả chương trình và các nghiệp vụ được chạy trên máy vi tính. Rất tiện lợi và đem lại hiệu quả cao cho người sử dụng. Hiện nay công ty đang sử dụng phần mềm kế toán FMIS (Chương trình tài chính - kế toán FMIS là chương trình được xây dựng theo dự án nâng cấp hệ thống thông tin Tài chính – Kế toán của tập đoàn điện lực Việt Nam và áp dụng cho tất cả các đơn vị thành viên trong tập đoàn từ các đơn vị sản xuất kinh doanh đến các đơn vị sản xuất thiết bị, dịch vụ và các Ban quản lý dự án, các công ty truyền tải điện. Mục tiêu của dự án này là xây dựng hệ các chương trình kế toán, quản lý nguồn vốn, quản lý vật tư và quản lý TSCĐ

thống nhất và sử dụng chúng trong tập đoàn Điện lực Việt Nam từ ban tài chính kế toán Tập đoàn điện lực Việt Nam đến từng điện lực các tỉnh). Phần mềm FMIS đã được thiết lập để có thể chạy trên môi trường Windows và mang lại lợi ích cùng với sự tiện dụng lớn cho người sử dụng. Phần mềm FMIS được cài đặt theo chế độ kế toán hiện hành và thực hiện ghi chép và kê khai thuế theo quy định của pháp luật.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy được khái quát bằng

sơ đồ 2.3



Ghi chú :

- > Nhập số liệu hàng ngày
- ====> In sổ , báo cáo cuối tháng , cuối năm
- ◄-----> Đối chiếu , kiểm tra.

Quy trình luân chuyển chứng từ:

Hàng ngày kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra dùng làm căn cứ ghi sổ và xác định tài khoản ghi nợ, tài khoản ghi có để nhập dữ liệu vào máy tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

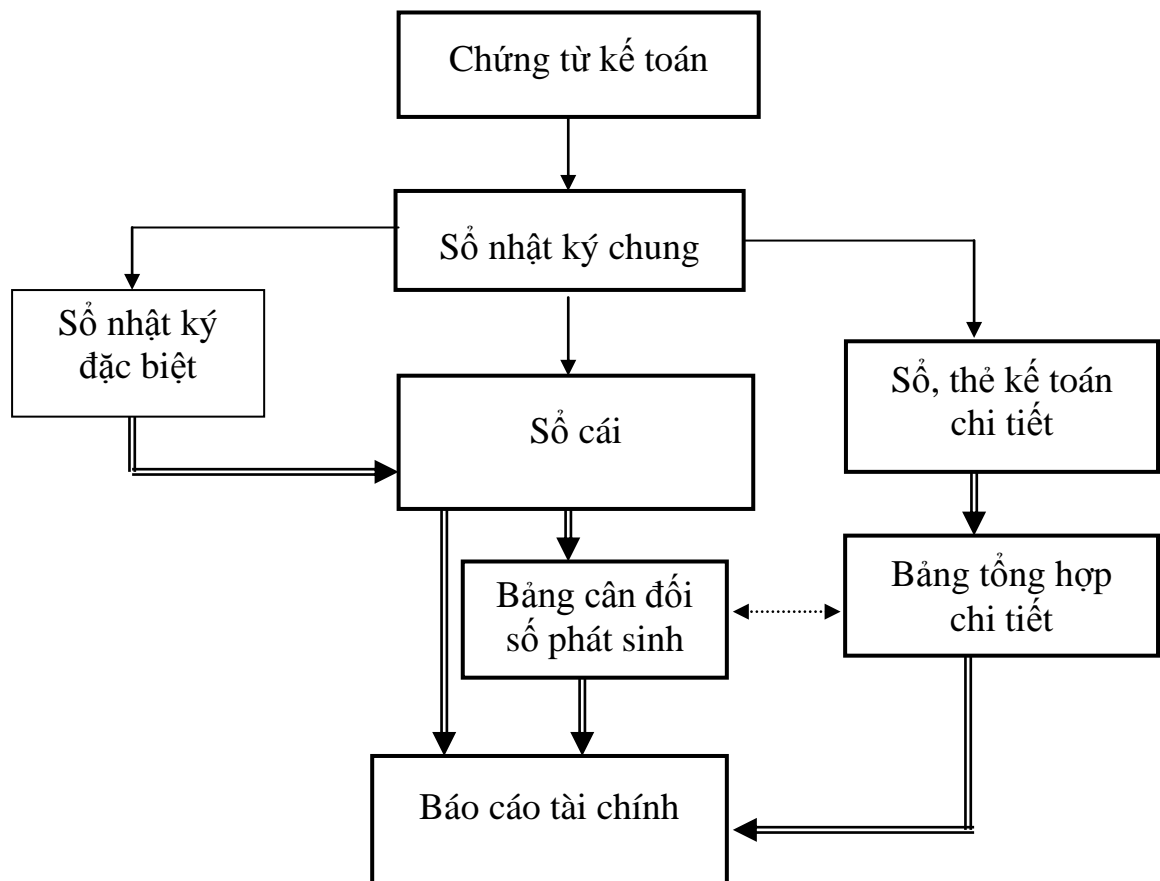
Theo quy trình của phần mềm FMIS các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (sổ cái, bảng tổng hợp chi tiết...) và các sổ sách khác.

Cuối tháng (hoặc bất kỳ thời điểm nào cần thiết) kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập BCTC. Việc đối chiếu giữa sổ tổng hợp với số liệu chi tiết

được thực hiện tự động và luôn đảm bảo tính trung thực và chính xác theo thông tin đã được nhập trong kỳ .

Các quy trình luôn được đảm bảo thực hiện đúng pháp lý và quy định của pháp luật theo chế độ kế toán.

Hình thức kế toán Nhật ký chung của công ty được minh họa theo sơ đồ sau:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ==>
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra <-.->

Sơ đồ 2.4: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung



➤ Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung:

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

➤ Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung: Sổ Nhật ký chung là sổ kế toán tổng hợp dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian đồng thời phản ánh theo quan hệ đối ứng tài khoản để phục vụ cho việc ghi sổ cái.

- Sổ Cái là sổ phân loại các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo từng tài khoản .

Căn cứ ghi sổ cái là sổ nhật ký chung.

- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết Được dùng để theo dõi số liệu chi tiết của các đối tượng cần theo dõi chi tiết (nguyên vật liệu, phải thu khách hàng...)

➤ Nguyên tắc ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật Ký Chung đó là: Tổng số phát sinh nợ và Tổng số phát sinh có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh nợ và Tổng số phát sinh có trên sổ Nhật ký chung.

➤ Kỳ kế toán áp dụng trên công ty

Công ty áp dụng kỳ kế toán năm là 12 tháng tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12 dương lịch.

➤ Đơn vị tiền tệ áp dụng trong công ty : VNĐ

2.1.5.4 Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán

Hệ thống báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vật liệu kỹ thuật điện bao gồm

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01-DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02-DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03-DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09-DN)

2.2 Thực trạng tổ chức kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Vật liệu kỹ thuật điện

2.2.1. Đặc điểm về kế toán tiêu thụ, doanh thu bán hàng tại công ty CP Vật liệu kỹ thuật điện

Công ty thực hiện phương thức tiêu thụ hàng hoá như một đại lý bán buôn và bán lẻ các loại hàng hoá phục vụ cho ngành điện và các doanh nghiệp sản xuất khác.

Các mặt hàng chủ yếu của công ty là :

- Cáp trần, cáp vặn xoắn, cáp bọc đơn pha ... cung cấp cho điện lực các tỉnh thành phố để mở rộng mạng lưới điện, phục vụ cho sản xuất...
- Các sản phẩm cách điện, an toàn bảo hộ lao động có nguồn gốc từ cao su, nhựa, composite kỹ thuật đặc chủng như: găng tay, ủng cách điện, sào cách điện, thảm cách điện...cung cấp cho ngành Điện và các ngành kinh tế khác.
- Các sản phẩm hộp đựng bảo vệ công tơ điện composite, hộp đấu dây dẫn bằng vật liệu composite cung cấp cho toàn ngành điện Việt Nam.

2.2.2 Tổ chức hạch toán kế toán doanh thu bán hàng, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

2.2.2.1. Tổ chức hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu

a. Phương thức bán hàng tập hợp doanh thu:

Bán hàng là khâu hết sức quan trọng. Thành phẩm tiêu thụ nhanh sẽ tăng vòng quay của vốn, đem lại hiệu quả kinh tế cao, sản xuất được tiến hành liên tục, ngược lại sản phẩm tiêu thụ chậm sẽ gây khó khăn, ứ đọng vốn.

Phương thức bán hàng cho công ty hiện nay là bán trực tiếp cho khách hàng, số lượng sản phẩm được sản xuất nhiều hay ít trước hết phải căn cứ vào các hợp đồng đã ký kết.

b. Phương thức thanh toán

Hình thức thanh toán chủ yếu của công ty là chuyển khoản ngoài ra khách hàng có thể thanh toán ngay bằng tiền mặt.

c. Kế toán doanh thu bán hàng

❖ Một bộ chứng từ bán hàng gồm

+Hợp đồng kinh tế giữa công ty và khách hàng

+Phiếu xuất kho

+Hóa đơn GTGT

❖ *Tài khoản sử dụng ghi nhận doanh thu:*

TK 511 – Doanh thu bán hàng hoá

TK515 –Doanh thu hoạt động tài chính

TK531- Hàng bán bị trả lại

TK3331-Thuế GTGT phải nộp

TK3387- Doanh thu chưa thực hiện

Ngoài ra còn một số tài khoản kế toán ghi nhận doanh thu, thu nhập 131, 111, 112, 33311.

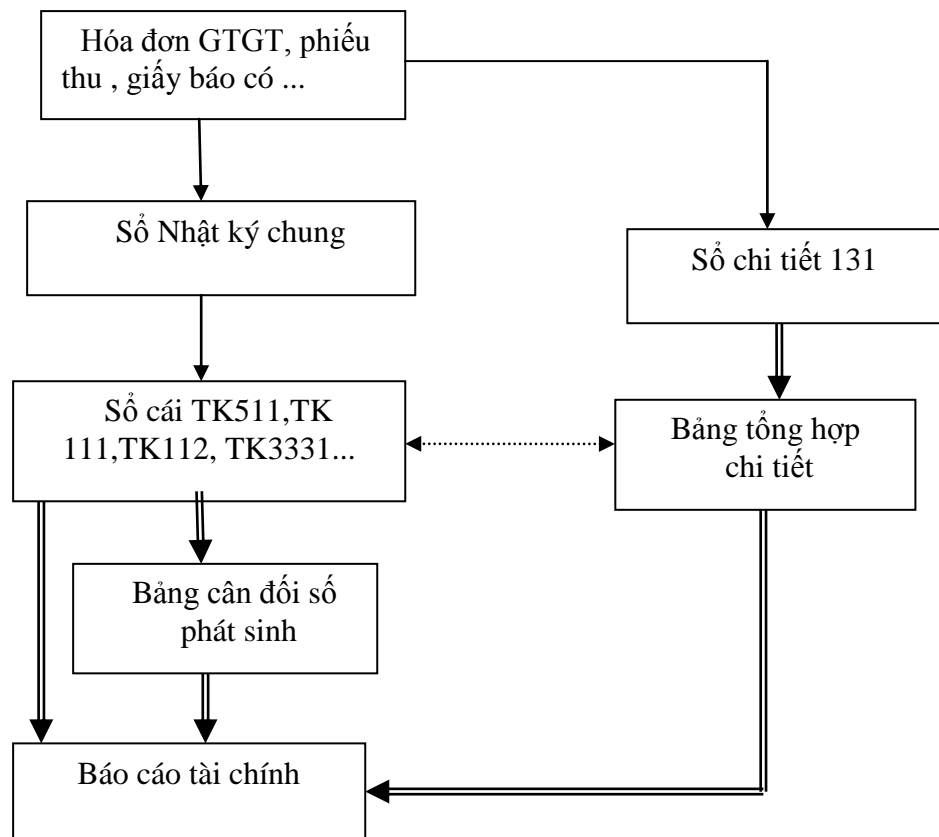
❖ Quy trình hạch toán

Khi xuất hàng bán cho khách hàng kế toán sẽ căn cứ vào phiếu xuất kho để viết hóa đơn GTGT. Kế toán có thể xuất hóa đơn luôn nếu khách yêu cầu hoặc có thể xuất hóa đơn khi nhận được tiền hàng. Thuế suất thuế GTGT công ty áp dụng là 10%.

Hóa đơn GTGT là hóa đơn bán hàng và là căn cứ để đơn vị hạch toán doanh thu, thuế GTGT đầu ra, đồng thời là căn cứ cho người mua làm chứng từ đi đường, ghi sổ kế toán.

Đồng thời với việc viết phiếu xuất kho và hóa đơn Kế toán hạch toán vào hệ thống phần mềm kế toán. Kế toán sẽ vào phần nhập dữ liệu màn hình nhập dữ liệu sẽ hiện ra. Tại loại ô chứng từ chọn phiếu xuất kho, hóa đơn GTGT. Hệ thống sẽ tự điều chỉnh số liệu dựa trên các số có liên quan

Mọi nghiệp kinh tế phát sinh đều được kế toán ghi chép phản ánh kịp thời chi tiết cho từng đối tượng để có căn cứ theo dõi doanh thu, công nợ, tập hợp số liệu và xác định kết quả kinh doanh vào cuối kỳ kế toán.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày —————→
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ══════→
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ←-.-.-.->

Sơ đồ 2.5: Quy trình ghi sổ doanh thu bán hàng

VD: Ngày 14/12/2010, công ty xuất bán thảm cách điện theo đơn đặt hàng cho công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương. Tổng tiền thanh toán là 119.548.000 (thuế GTGT 10%). Tổng giá vốn là 103.032.226. Khách hàng đã thanh toán bằng TGNH.

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01/GTKT - 3LL		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			QP/2010B		
Liên 2: Giao cho khách hàng			0052951		
Ngày 15 tháng 12 năm 2010					
Đơn vị bán hàng: Cty Cổ phần vật liệu kỹ thuật điện					
Địa chỉ: 991A-Tôn Đức Thắng-Hồng Bàng-Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Điện thoại :MS: <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="3"/> <input type="text" value="3"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text"/>					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Cty TNHH MTV Điện lực Hải Dương					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: CK.....MS: <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="8"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="3"/> <input type="text" value="5"/> <input type="text" value="6"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="7"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	Thảm cách điện 10KV	Tấm	4	750.000	3.000.000
2	Thảm cách điện 22KV	Tấm	3	810.000	2.430.000
3	Hộp bảo vệ công tơ 1 pha	Hộp	350	295.000	103.250.000
Cộng tiền hàng:					108.680.000
Thuế GTGT: 10 %			Tiền thuế GTGT:		10.868.000
Tổng cộng tiền thanh toán					119.548.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Một trăm mười chín triệu năm trăm bốn mươi tám ngàn đồng chẵn</i>					
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	
				Nguyễn Xuân Hồi	

Công ty cổ phần Vật liệu kỹ thuật điện
Số 991A-Tôn Đức Thắng-Hồng Bàng-Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2010

ĐVT: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu tk đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			<i>Cộng lũy kế từ trạng trước chuyển sang</i>				488.576.324	488.576.324
							
14/12	PT M358	14/12	Rút TGNH về nhập quỹ TM	x	1567	111	112.000.000	
				x	1568	1121		112.000.000
14/12	Px 253	14/12	Xuất kho vật tư cho px cơ điện sx 7890 thanh gông	x	1569	154	785.000	
				x	1570	15238		785.000
15/12	PX254	15/12	Xuất bán thảm cách điện, hộp công tơ 1 pha	x	1571	632	103.032.226	
				x	1572	155		103.032.226
15/12	HĐ GTGT 0052951	15/12	Bán hàng cho công ty TNHH MTV điện lực Hải Dương theo hđ GTGT 0052951, thanh toán bằng TGNH	x	1573	112	119.548.000	
				x	1574	511		108.680.000
				x	1605	3331		10.868.000
							
			Cộng lũy kế				497.187.552.761	497.187.552.761

Biểu 1: Trích từ sổ Nhật ký chung của công ty Cổ phần Vật liệu kỹ thuật điện

Công ty cổ phần Vật liệu kỹ thuật điện
Số 991A-Tôn Đức Thắng-Hồng Bàng-Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản :Doanh thu bán hàng và cung cấp DV

Số hiệu TK: 511

Năm 2010

Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
SH	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
		SDĐK					
						
HĐ GTGT 0052948	13/12	Bán hộp công tơ 3 pha			131		15.500.000
HĐ GTGT 0052949	13/12	Bán ủng BHLĐ đen			111		12.000.000
HĐ GTGT 0052950	14/12	Bán thảm cách điện 35kv+ ủng BHLĐ			112		52.800.000
HĐ GTGT 0052951	15/12	Bán thảm cách điện, hộp bảo vệ công tơ 1 pha			112		108.680.000
						
PKT25	31/12	Kết chuyển sang 911			911	55.545.337.043	
		Cộng phát sinh				55.545.337.043	55.545.337.043
		SDCK					

Biểu 2: Trích từ sổ cái tài khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2011 của công ty CP Vật liệu kỹ thuật điện

Công ty CP vật liệu kỹ thuật điện

Số 991A-Tôn Đức Thắng-Hồng Bàng-Hải Phòng

SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT DOANH THU

STT	Tên hàng hóa	Số phát sinh	
		Nợ	Có
1	Găng tay hạ áp		35.260.000
2	Găng tay cách điện 10kv		75.682.000
3	Găng tay cách điện 15kv		66.500.000
		
11	Thảm cách điện 10kv		95.670.000
12	Thảm cách điện 22kv		105.256.000
13	Hộp bảo vệ công tơ 1 pha		355.100.000
		
	Tổng cộng		55.545.337.043

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 3: Sổ tổng hợp chi tiết doanh thu bán hàng

2.2.2.2.Kế toán giá vốn hàng bán

❖ Nội dung giá vốn hàng bán tại công ty

Việc xác định giá vốn hàng bán tại công ty cũng giống như tất cả các doanh nghiệp khác, nó là toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được giá trị hàng hoá hoặc để cung cấp sản phẩm dịch vụ.

Việc tính đúng trị giá mua của hàng hoá tiêu thụ rất quan trọng và tùy thuộc vào đặc điểm của từng doanh nghiệp. Công ty CP Vật liệu kỹ thuật điện áp dụng tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Theo phương pháp này, giá mua thực tế hàng hoá xuất kho được tính theo giá trị bình quân (Bình quân gia quyền):

Trong đó: Đơn giá bình quân của hàng hoá xuất kho trong kỳ được tính theo công thức sau:

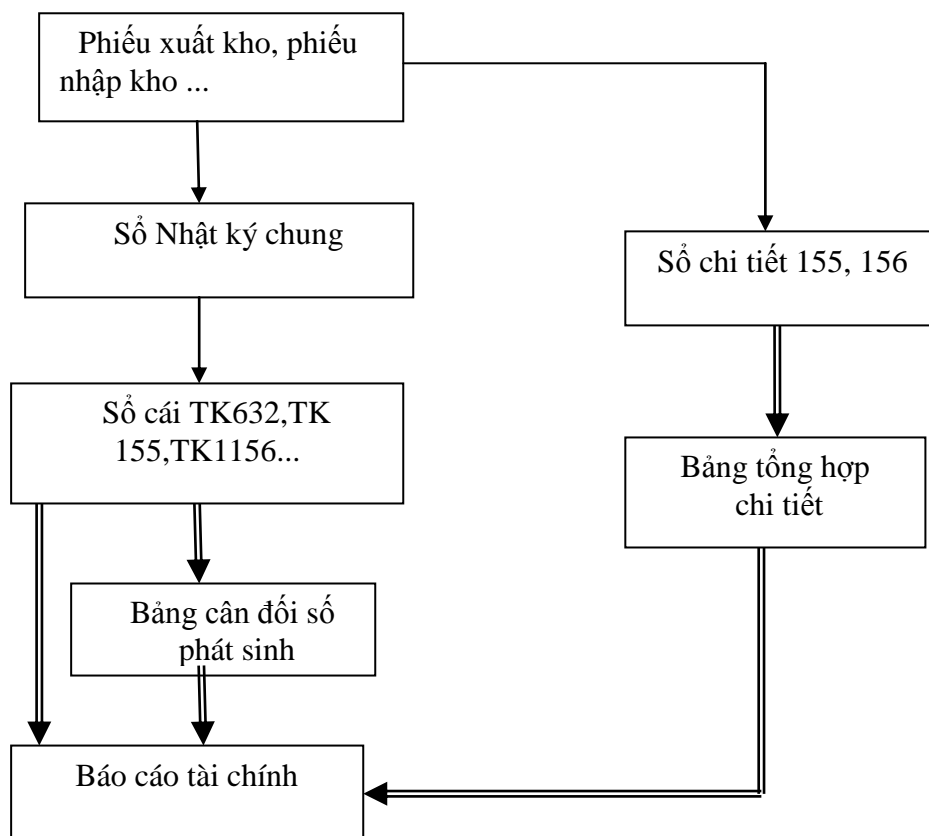
$$\begin{aligned}
 & \text{Giá bình quân của 1 đơn vị sản phẩm, hàng hóa} = \frac{\text{Trị giá thực tế của hàng hoá tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá mua thực tế của hàng hoá nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hoá tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hoá nhập trong kỳ}} \\
 & \text{Giá vốn của sản phẩm hàng hóa} = \text{Giá bình quân của 1 đơn vị sản phẩm, hàng hóa} \times \text{Lượng sản phẩm hàng hóa xuất kho}
 \end{aligned}$$

❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng:

- TK632 : Giá vốn hàng bán
- TK 156: Hàng hóa



Sơ đồ 2.6: Quy trình ghi sổ giá vốn hàng bán

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày —————>
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ══════=>
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ⋯⋯⋯<—>

VD : Ngày 26/12/2010 Điện lực Thái Bình mua cáp PVC A50 và cáp vặn xoắn A4x50XLPE

+ Cáp PVC A50 với số lượng 750m

+ Cáp vặn xoắn A4x50XLPE với số lượng 500m

* Cách tính giá xuất kho cáp PVC A50:

Tồn đầu kỳ 2.038m với trị giá 21.261.764

+Ngày 1/12 nhập kho từ sản xuất 500m với giá thành đơn vị 10.433 đ

+Ngày 8/12 nhập kho từ sản xuất 1200m với giá thành đơn vị 9.877 đ

+Ngày 11/12 nhập kho từ sản xuất 1150m với giá thành đơn vị 9.980 đ

.....

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá} &= \frac{21.261.764+(500 \times 10.433+1200 \times 9.877+1150 \times 9.980+\dots)}{\text{xuất kho} \quad 2.038+500+1200+1150+\dots} = 9.468\text{đ/m} \end{aligned}$$

* Cách tính giá xuất kho cáp vặn xoắn A4x50XLPE

Tồn đầu kỳ 949m với trị giá 31.240.159

+Ngày 8/12 nhập kho từ sản xuất 90m với giá thành đơn vị 32.550đ

+Ngày 15/12 nhập kho từ sản xuất 58m với giá thành đơn vị 32.900đ

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá} &= \frac{31.240.159+(90 \times 32.550+58 \times 32.900)}{\text{xuất kho} \quad 949+90+58} = 32.888\text{đ/m} \end{aligned}$$

Xác định giá vốn của số hàng điện lực Thái Bình mua:

Cáp PVC A50= 750 x 9.468= 7.101.000đ

Cáp vặn xoắn A4x50XLPE= 500 x 32.888= 16.444.000đ

CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC
CÔNG TY CP VẬT LIỆU KỸ THUẬT ĐIỆN
 91A Tôn Đức Thắng-Hồng Bàng-Hải Phòng

Mẫu số 01-VT
 Số:

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày lập phiếu :26/12/2010
 Liên số 1- Lưu tài chính kế toán

Địa chỉ (bộ phận) : Điện lực Thái Bình

Họ và tên người nhận hàng: Điện lực Thái Bình
 Lý do xuất kho : Mua hàng của công ty
 Xuất tại kho : Kho thành phẩm

STT	Mã vật tư	Tên nhãn hiệu qui cách vật tư	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền	Tài khoản	
				Yêu cầu	Thực xuất			Nợ	Có
1	600565310	Cáp PVC A50	m	750	750				155
2	60102538	Cáp vặn xoắn A4x50XLPE	m	500	500				155
3									
4									
5									
6									
7									
8									
9									
10									
Tổng cộng (Bảng số):									

Tổng trị giá xuất (Viết bằng chữ):

Xuất, ngày.....tháng.....năm2010

Người lập biểu
(Đã ký)

Phòng vật tư
(Đã ký)

BP sử dụng
(Đã ký)

Người nhận
(Đã ký)

Thủ kho
(Đã ký)

Công ty cổ phần Vật liệu kỹ thuật điện
Số 991A-Tôn Đức Thắng-Hồng Bàng-Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2010

ĐVT: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu tk đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			Cộng lũy kế từ trang trước chuyển sang				488.576.324	488.576.324
							
25/12	PT M358	25/12	Công ty điện lực Tuyên Quang thanh toán tiền hàng	x	1571	112	321.600.000	
				x	1572	131		321.600.000
25/12	PN 271	25/12	Nhập kho thành phẩm 500 đôi găng tay	x	1573	155	26.740.500	
				x	1574	154		26.740.500
26/12	PX267	26/12	Xuất bán cáp PVC A50 và cáp vận xoắn A4x50XLPE	x	1575	632	23.545.000	
				x	1576	155		23.545.000
26/12	GTGT 0052961	26/12	Bán hàng cho điện lực Thái Bình theo hđ GTGT 0052961, chưa thanh toán	x	1577	131	30.415.000	
				x	1578	511		27.650.000
				x	1579	3331		2.765.000
							
			Cộng lũy kế				497.187.552.761	497.187.552.761

Biểu 4: Trích từ sổ Nhật ký chung của công ty Cổ phần Vật liệu kỹ thuật điện

Công ty CP vật liệu kỹ thuật điện

Số 991A-Tôn Đức Thắng-Hồng Bàng-Hải Phòng

Mẫu số :S35 – TT

QĐ số : 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20 tháng 3 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ TC

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN

TK: 632

Tên hàng hóa : Cáp PVC A50

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Giá vốn			
Số hiệu PX	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
						Nợ	Có
PX211	9/12	Xuất kho bán cho điện lực Thái Nguyên	155	400	9.468	3.787.200	
PX267	26/12	Xuất kho bán cho điện lực Thái Bình	155	750	9.468	7.101.000	
						
		Tổng cộng				65.366.000	

Biểu 5: Trích từ sổ chi tiết giá vốn hàng bán sản phẩm Cáp PVC A50

Công ty CP vật liệu kỹ thuật điện

Số 991A-Tôn Đức Thắng-Hồng Bàng-Hải Phòng

Mẫu số :S35 – TT

QĐ số : 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20 tháng 3 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ TC

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN

TK: 632

Tên hàng hóa : Cáp vặn xoắn A4x50XLPE

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đôi ứng	Giá vốn			
Số hiệu PX	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
						Nợ	Có
PX217	13/12	Xuất kho bán cho Cty TNHH MTV điện lực Hải Dương	155	350	32.888	11.510.800	
PX267	26/12	Xuất kho bán cho điện lực Thái Bình	155	500	32.888	16.444.000	
						
		Tổng cộng				33.643.000	

Biểu 6: Trích từ sổ chi tiết giá vốn hàng bán sản phẩm Cáp vặn xoắn A4x50XLPE

Công ty CP vật liệu kỹ thuật điện

Số 991A-Tôn Đức Thắng-Hồng Bàng-Hải Phòng

SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT GIÁ VỐN

STT	Tên hàng hóa	Số phát sinh	
		Nợ	Có
		
10	Cáp PVC A50	65.366.000	
11	Cáp vặn xoắn A4x50XLPE	33.643.000	
		
	Tổng cộng	46.942.790.883	

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 7: Trích từ sổ tổng hợp chi tiết Giá vốn

Công ty cổ phần Vật liệu kỹ thuật điện
Số 991A-Tôn Đức Thắng-Hồng Bàng-Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản :Giá vốn hàng bán

Số hiệu TK: 632

Năm 2010

Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đôi ứng	Số tiền	
SH	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
		SĐĐK					
						
PX265	25/12	Xuất bán ừng cách điện 15kv			155	6.560.500	
PX266	25/12	Xuất bán hộp công tơ 3 pha			155	105.650.300	
PX267	26/12	Xuất bán cáp			155	23.545.000	
PX268	26/12	Xuất bán thảm cách điện hạ áp			155	56.875.250	
						
PKT26	31/12	Kết chuyển sang 911			911	46.942.790.883	
		Cộng phát sinh				46.942.790.883	46.942.790.883
		SĐCK					

Biểu 8:Trích từ Sổ cái tài khoản giá vốn hàng bán

2.2.2.3..Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí khác tại công ty CP vật liệu kỹ thuật điện

2.2.2.3.1 Nội dung Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

❖ *Chi phí bán hàng bao gồm:*

- Tiền lương và các khoản trích theo của bộ phận bán hàng
- Tiền nước, tiền điện, điện thoại;
- Chi phí vận chuyển hàng hóa;
- Chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ hoạt động bán hàng;
- Dịch vụ hậu mãi, bảo hành...

❖ *Chi phí quản lý doanh nghiệp* là các chi phí liên quan đến toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nội dung chi phí quản lý kinh doanh tại công ty CP Vật liệu kỹ thuật điện bao gồm:

- Tiền lương và các khoản trích theo lương của bộ phận quản lý;
- Chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ quản lý doanh nghiệp, chi phí hội nghị, tiếp khách;
- Tiền điện, tiền nước...

2.2.2.3.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ *Chứng từ sử dụng:*

- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Giấy đề nghị thanh toán, giấy thanh toán tiền tạm ứng
- Bảng thanh toán lương, Bảng phân bổ tiền lương, Bảng trích khấu hao
- Các chứng từ khác có liên quan...

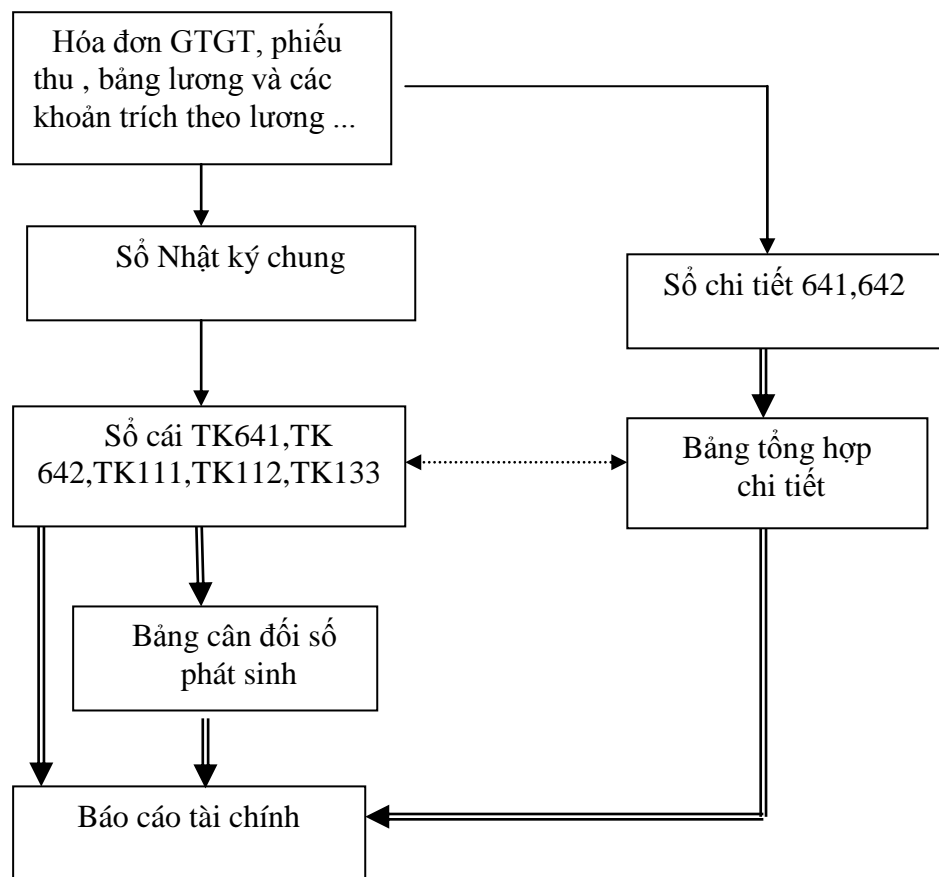
❖ *Tài khoản sử dụng*

- Tài khoản 641: Chi phí bán hàng
- Tài khoản 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

2.2.2.3.3 Quy trình hạch toán

Hàng ngày khi có nghiệp vụ kinh tế liên quan đến nội dung chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, kế toán tập hợp lại.

Cuối tháng kế toán lập chứng từ ghi sổ, vào Sổ cái tài khoản 641, tài khoản 642



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày —————→
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ══════════→
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ←-----→

Sơ đồ 2.7: Quy trình ghi sổ Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

VD: *Thanh toán tiền cước vận chuyển tháng 12/2010 cho công ty TNHH vận tải Thanh Vân theo HĐ GTGT 025143*

VD : *Thanh toán tiền nước tháng 11 phục vụ bộ phận văn phòng , số tiền 3.814.000*

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01/GTKT - 3LL		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			QP/2010B		
Liên 2: Giao cho khách hàng			098356		
Ngày 30 tháng 12 năm 2010					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH vận tải Thanh Vân					
Địa chỉ: 141 Lê Thánh Tông-P Máy Chai-Quô Quyền-Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Điện thoại :MS: <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="3"/> <input type="text" value="9"/> <input type="text" value="6"/> <input type="text" value="4"/> <input type="text" value="9"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Cty Cổ phần vật liệu kỹ thuật điện					
Địa chỉ: 991A-Tôn Đức Thắng-Hồng Bàng-Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: TM.....MS: <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="3"/> <input type="text" value="3"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text"/>					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	Cước vận chuyển tháng 12/2010				11.690.000
Cộng tiền hàng:					11.690.000
Thuế GTGT: 10 %		Tiền thuế GTGT:			1.169.000
Tổng cộng tiền thanh toán					12.859.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Một hai triệu tám trăm năm mươi chín nghìn đồng chẵn</i>					
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	
				Vũ Thị Vân	

Đơn vị : Công ty CP VẬT LIỆU KỸ THUẬT ĐIỆN
Địa chỉ: 911A Tôn Đức Thắng-Hồng Bàng-HP

Mẫu số :02 – TT
QĐ số : 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20 tháng 3 năm 2003 của Bộ Tài Chính

PHIẾU CHI

Số : 288

Ngày 30 tháng 12 năm 2010

Nợ TK 627 11.690.000 đồng

Nợ TK 1331 : 1.169.000 đồng

Có TK 1111: 12.859.000 đồng

Họ tên người nhận tiền: **Phạm Văn Hùng**

Địa chỉ: Công ty TNHH vận tải Thanh Vân

Lý do chi: TT tiền cước vận chuyển

Số tiền : **12.859.000** đồng (Viết bằng chữ) : Mười hai triệu, tám trăm năm mươi chín nghìn đồng chẵn

Chứng từ kèm theo: 02

Chứng từ gốc

Ngày 30 tháng 12 năm 2010

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Người nhận
(Ký, họ tên)

Công ty cổ phần Vật liệu kỹ thuật điện
Số 991A-Tôn Đức Thắng-Hồng Bàng-Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2010

ĐVT: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu tk đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			<i>Cộng lũy kế từ trang trước chuyển sang</i>				488.576.324	488.576.324
							
26/12	PX267	26/12	Xuất bán cáp PVC A50 và cáp vặn xoắn A4x50XLPE	x	1575	632	23.545.000	
			Bán hàng cho điện lực Thái Bình theo hđ GTGT	x	1577	131	30.415.000	
26/12		26/12	0052961, chưa thanh toán	x	1578	511		27.650.000
				x	1579	3331		2.765.000
							
30/12	PC288	30/12	<i>Thanh toán tiền cước vận chuyển tháng 12/2010 cho công ty TNHH vận tải Thanh Vân theo HĐ GTGT 025143</i>	x	1605	641	11.690.000	
				x	1606	133	1.169.000	
				x	1607	112		12.859.000
							
			Cộng lũy kế				497.187.552.761	497.187.552.761

Biểu 9 : Trích từ Nhật ký chung của công ty Cổ phần Vật liệu kỹ thuật điện

Công ty cổ phần Vật liệu kỹ thuật điện
Số 991A-Tôn Đức Thắng-Hồng Bàng-Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản :Chi phí bán hàng

Số hiệu TK: 641

Năm 2010

Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
SH	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
		SDĐK					
						
PC211	20/12	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm			111	1.336.000	
PC288	30/12	Thanh toán tiền cước vận chuyển tháng 12/2010 cho công ty TNHH vận tải Thanh Vân theo HĐ GTGT 025143			111	11.690.000	
						
PKT26	31/12	KC chi phí quản lý DN			911		1.500.782.947
		Cộng phát sinh				1.500.782.947	1.500.782.947
		SDCK					

Biểu 10: Trích từ sổ cái tài khoản chi phí bán hàng

Ngân hàng công thương VN

Liên 2/copy 2

LỆNH CHI
PAYMENT ORDER
 Ngày/Date 22/12/2010

Đơn vị trả tiền /Payer : **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU KỸ THUẬT ĐIỆN**

Tài khoản nợ/Debit A/C:

1	0	2	0	1	0	0	0	0	2	3	0	4	4
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Tại ngân hàng/With bank : **Công thương Hồng Bàng Hải Phòng**

Số tiền bằng chữ/ Amount in words: Ba triệu tám trăm mười bốn ngàn.

Số tiền bằng số/Amount in figure
3.814.000 VNĐ

Tên đơn vị nhận tiền/Payee: **CÔNG TY TNHH 1 THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG**

Tài khoản có/credit/ AC:

1	0	2	0	1	0	0	0	0	2	0	0	8	2	6
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Tại ngân hàng /With bank : **Công thương Hải Phòng**

Nội dung /Remarks: Trả tiền nước tháng 11/2010

Ngày hạch toán / Accounting date: 22/12

Giao dịch viên
Teller

Kiểm soát viên
Supervision

Đơn vị trả tiền/payer

Kế toán
Accountant

Chủ tài khoản
A/c holder

Công ty cổ phần Vật liệu kỹ thuật điện
Số 991A-Tôn Đức Thắng-Hồng Bàng-Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

ĐVT: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT đồng	Số hiệu tk đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			Cộng lũy kế từ trang trước chuyển sang				488.576.324	488.576.324
							
22/12	PX 255	22/12	Xuất kho vật tư cho phân xưởng sơn nhựa để sản xuất 200 đôi ủng BHLĐ	x	1558	154	788.456	
				x	1559	152		788.456
22/12	UNC 247	22/12	Thanh toán tiền nước phục vụ văn phòng	x	1560	642	3.178.500	
				x	1561	1331	158.25	
				x	1562	333	476.775	
				x	1563	1111		3.814.200
23/12	PC333	23/12	Thanh toán tiền tạm ứng cho Phạm xuân Sanh đi công tác Lào Cai	x	1564	141	1.245.000	
				x	1565	111		1.245.000
							
			Cộng lũy kế				497.187.552.761	497.187.552.761

Biểu 11: Trích từ sổ Nhật ký chung của công ty Cổ phần Vật liệu kỹ thuật điện

Công ty cổ phần Vật liệu kỹ thuật điện
Số 991A-Tôn Đức Thắng-Hồng Bàng-Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản :Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu TK: 642

Năm 2010

Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
SH	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
		SDDK					
						
PC278	15/12	Thanh toán lương phòng TCKT			334	12.077.000	
<i>UNC 247</i>	<i>22/12</i>	<i>Thanh toán tiền nước phục vụ văn phòng</i>			<i>111</i>	<i>3.178.500</i>	
						
PKT26	31/12	Kết chuyển sang 911			911		4.664.244.783
		Cộng phát sinh				4.664.244.783	4.664.244.783
		SDCK					

Biểu 12: Trích từ sổ cái tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp

2.2.2.3. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí hoạt động tài chính

2.2.2.3.1 Nội dung doanh thu tài chính và chi phí hoạt động tài chính

- ❖ Doanh thu hoạt động tài chính của công ty chủ yếu là nguồn thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.
- ❖ Chi phí hoạt động tài chính là khoản lãi vay ngân hàng, tiền lãi vay phải trả do vay các khoản bên ngoài mà công ty phải trả hàng tháng

2.2.2.3.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

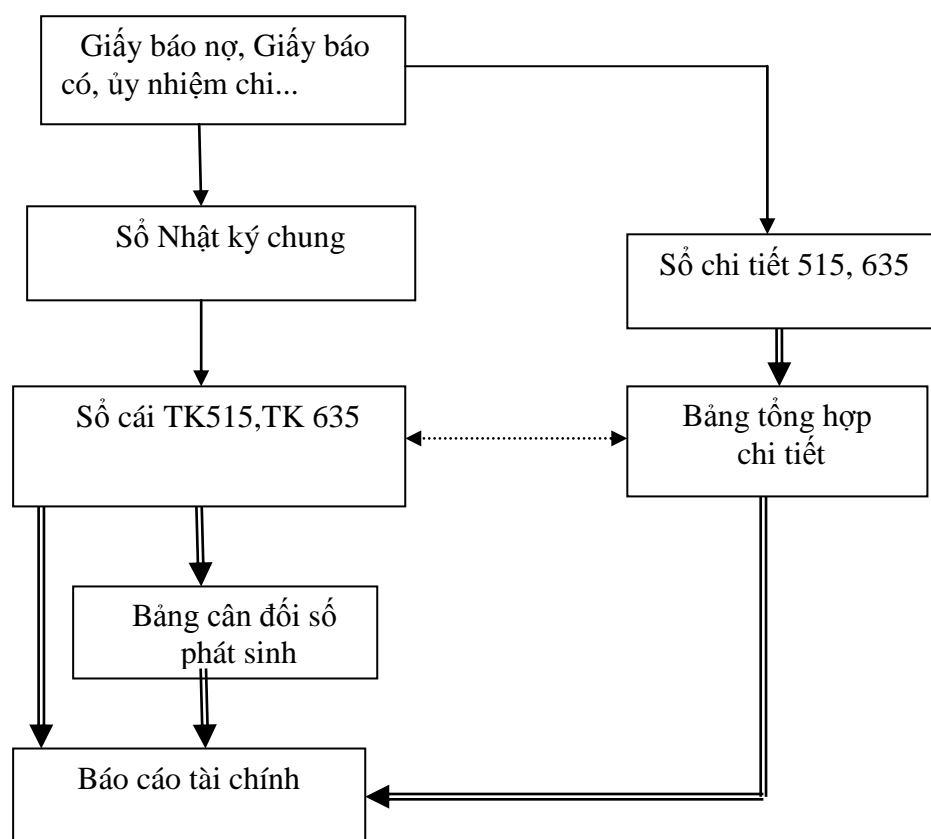
- ❖ Chứng từ sử dụng
 - Giấy báo nợ, giấy báo có
 - Ủy nhiệm chi
 - Phiếu chi
 - Các chứng từ khác có liên quan
- ❖ Tài khoản sử dụng
 - TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”
 - TK635 “Chi phí hoạt động tài chính”

2.2.2.3.2 Quy trình hạch toán

Hàng tháng căn cứ vào giấy báo nợ, giấy báo có, và các chứng từ khác kế toán tập hợp các chứng từ có cùng nội dung đến cuối tháng vào sổ cái

TK 515 và TK 635

Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính được mô tả theo sơ đồ sau:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày —————→
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ══════════→
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ←.....→

Sơ đồ 2.8: Quy trình ghi sổ doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

VD: Ngày 31/12 Nhận được giấy báo có của ngân hàng TMCP công thương Hồng Bàng về lãi tiền gửi ngân hàng được hưởng tháng 12 là 1.282.161 đồng

VD: Ngày 30/12 Thanh toán tiền lãi vay ngân hàng Vietinbank Hồng Bàng 2.885.566 đồng



Ngân hàng TM cổ phần công thương Việt Nam

GIẤY BÁO CÓ

VIETINBANK

Chi nhánh Hồng Bàng

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU KỸ THUẬT ĐIỆN

Số tài khoản: 102010000213044

Từ ngày	Đến ngày	Lãi suất	Tiền lãi
1/12/2010	31/12/2010		1.282.161

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT VIÊN

Công ty cổ phần Vật liệu kỹ thuật điện
Số 991A-Tôn Đức Thắng-Hồng Bàng-Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2010

ĐVT: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu tk đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			<i>Cộng lũy kế từ trạng trước chuyển sang</i>				488.576.324	488.576.324
							
30/12	PC288	30/12	Thanh toán tiền cước vận chuyển tháng 12/2010 cho công ty TNHH vận tải Thanh Vân theo HĐ GTGT 025143	x	1605	641	11.690.000	
				x	1606	133	1.169.000	
				x	1607	112		12.859.000
30/12	GBC	30/12	Lãi tiền gửi ngân hàng	x	1608	112	1.282.161	
				x	1609	51511		1.282.161
							
			Cộng lũy kế				497.187.552.761	497.187.552.761

Biểu 13: Trích yếu sổ Nhật ký chung của công ty Cổ phần Vật liệu kỹ thuật điện

Công ty cổ phần Vật liệu kỹ thuật điện
Số 991A-Tôn Đức Thắng-Hồng Bàng-Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản :Doanh thu tài chính

Số hiệu TK: 515

Năm 2010

Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
SH	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
		SDDK					
						
GBC	30/12	Lãi tiền gửi ngân hàng			112		1.282.161
PKT25	31/12	Kết chuyển sang 911			911	50.445.307	
		Cộng phát sinh				50.445.307	50.445.307
		SDCK					

Biểu 14: Trích từ sổ cái tài khoản doanh thu hoạt động tài chính

Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam



VIETINBANK

Chi nhánh Hồng Bàng-Hải Phòng

SỔ PHỤ VNĐ

Ngày 30/12/2010

Tài khoản : 102010000213044

CTY CỔ PHẦN VẬT LIỆU KỸ THUẬT ĐIỆN

Diễn giải	GHI NỢ	GHI CÓ
Số dư nợ đầu ngày	1.267.408.008	
Trả lãi vay Tổng phát sinh ngày	2.885.566	0
Dư cuối ngày	1.264.522.442	

SỔ PHỤ

KIỂM SOÁT VIÊN



NGÂN HÀNG TM CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

GIẤY BÁO NỢ

NGÀY 30/12/2010

Kính gửi : Công ty cổ phần Vật liệu kỹ thuật điện

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách với nội dung sau:

Số tài khoản ghi NỢ	: 102010000213044
Số tiền bằng số	: 2.885.566
Số tiền bằng chữ	: Hai triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn năm trăm sáu mươi sáu VNĐ

Nội dung : TRẢ LÃI VAY

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT VIÊN

Công ty cổ phần Vật liệu kỹ thuật điện
Số 991A-Tôn Đức Thắng-Hồng Bàng-Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

ĐVT: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu tk đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			Cộng lũy kế từ trang trước chuyển sang				488.576.324	488.576.324
							
29/12	Px257	26/12	Xuất kho vật tư 300 hộp công tơ bán cho ĐL Lai Châu theo HĐ GTGT 036014	X	1601	632	123.450.000	
				X	1602	155		123.450.000
30/12	PKT456	30/12	Trích khấu hao tháng 12 cho phân xưởng sơn nhựa	X	1603	627	21.320.807	
				X	1604	214		21.320.807
30/12	GBN	30/12	Thanh toán tiền lãi vay ngân hàng Vietinbank Hồng Bàng	X	1605	635	2.885.566	
				X	1606	112		2.885.566
							
			Cộng lũy kế				497.187.552.761	497.187.552.761

Biểu 15: Trích từ sổ Nhật ký chung của công ty Cổ phần Vật liệu kỹ thuật điện

Công ty cổ phần Vật liệu kỹ thuật điện
Số 991A-Tôn Đức Thắng-Hồng Bàng-Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản :Chi phí hoạt động tài chính

Số hiệu TK: 635

Năm 2010

Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
SH	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
		SDDK					
						
GBN	31/12	Trả tiền lãi vay			112	2.885.566	
						
PKT26	31/12	Kết chuyển sang 911			911		71.647.399
		Cộng phát sinh				71.647.399	71.647.399
		SDCK					

Biểu 16: Trích từ sổ cái tài khoản chi phí hoạt động tài chính

2.2.2.4.Kế toán chi phí khác

❖ Nội dung Kế toán chi phí khác

Chi phí khác là những khoản chi không thuộc hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động tài chính. Tại công ty CP vật liệu kỹ thuật điện các khoản chi phí khác phát sinh chủ yếu là

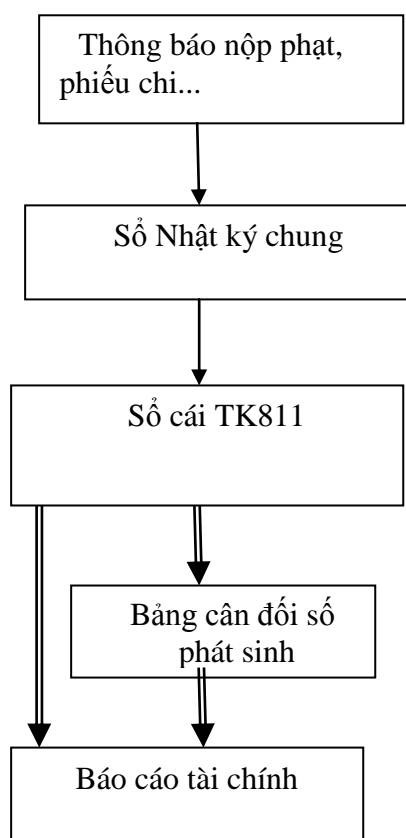
❖ Chứng từ và tài khoản sử dụng

Chứng từ sử dụng

- Thông báo nộp phạt của cơ quan thuế
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

Tài khoản sử dụng

- TK811 “Chi phí khác”



Sơ đồ2.9: Quy trình hạch toán chi phí khác

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày —————→
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ══════════→
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ←──────────→

Đơn vị : Công ty CP VẬT LIỆU KỸ THUẬT ĐIÊN
Địa chỉ: 911A Tôn Đức Thắng-Hồng Bàng-HP

Mẫu số :02 – TT
QĐ số : 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20 tháng 3 năm 2003 của Bộ Tài Chính

PHIẾU CHI

Số : 279

Ngày 24 tháng 12 năm 2010

Nợ TK 811 81.005 đồng

Có TK 1111: 81.005 đồng

Họ tên người nhận tiền: **Phạm Thị Minh**

Địa chỉ: Cục thuế TP Hải Phòng

Lý do chi: Nộp tiền phạt do chậm nộp thuế

Số tiền : 81.005 đồng (Viết bằng chữ) : Tám mươi một nghìn không trăm lẻ năm đồng

Chứng từ kèm theo: 02

Chứng từ gốc

Ngày 24 tháng 12 năm 2010

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Người nhận
(Ký, họ tên)

Công ty cổ phần Vật liệu kỹ thuật điện
Số 991A-Tôn Đức Thắng-Hồng Bàng-Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

ĐVT: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu tk đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			<i>Cộng lũy kế từ trang trước chuyển sang</i>				488.576.324	488.576.324
							
24/12	PC279	24/12	<i>Nộp tiền phạt vì chậm nộp thuế</i>	x	1557	811	81.005	
				x	1558	111		81.005
25/12	PT M358	25/12	Công ty điện lực Tuyên Quang thanh toán tiền hàng	x	1559	112	321.600.000	
				x	1560	131		321.600.000
25/12	PN 271	25/12	Nhập kho thành phẩm 500 đôi găng tay	x	1561	155	26.740.500	
				x	1562	154		26.740.500
							
			<i>Cộng lũy kế</i>				497.187.552.761	497.187.552.761

Biểu 17: Trích từ sổ Nhật ký chung của công ty Cổ phần Vật liệu kỹ thuật điện

Công ty cổ phần Vật liệu kỹ thuật điện
Số 991A-Tôn Đức Thắng-Hồng Bàng-Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản :Chi phí khác

Số hiệu TK: 811

Năm 2010

Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
SH	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
		SĐĐK					
						
<i>PC279</i>	<i>24/12</i>	<i>Nộp tiền phạt vì chậm nộp thuế</i>			111	81.005	
PKT27	31/12	Kết chuyển sang 911			911		81.005
		Cộng phát sinh				81.005	81.005
		SDCK					

Biểu 18: Trích từ sổ cái tài khoản chi phí khác của công ty Cổ phần Vật liệu kỹ thuật điện

2.2.2.5 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

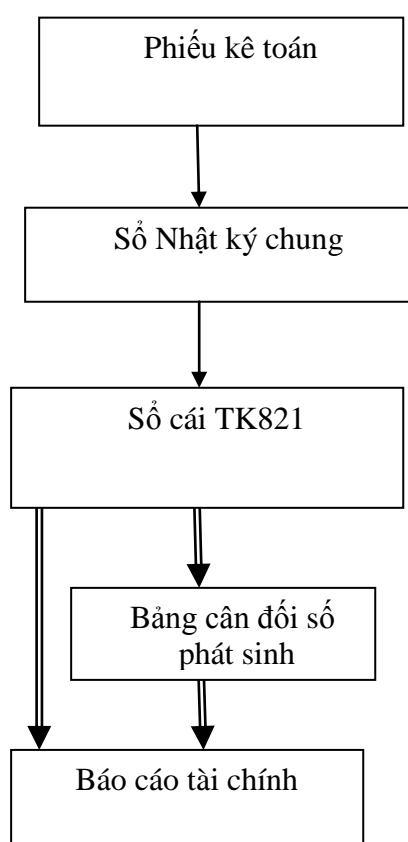
Thuế thu nhập doanh nghiệp là khoản thuế bắt buộc hàng năm doanh nghiệp phải nộp vào ngân sách nhà nước.

Tại công ty cổ phần vật liệu kỹ thuật điện thuế thu nhập doanh nghiệp được tính như sau:

$$\text{Chi phí thuế TNDN} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

Tài khoản sử dụng

Tài khoản để hạch toán chi phí thuế TNDN của công ty là TK 821



Sơ đồ 2.10: Quy trình hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày —————→
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ══════════→
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ⋯⋯⋯⋯⋯↔

Bút toán tính thuế TNDN năm 2010

Căn cứ vào bảng kê doanh thu các sản phẩm cách điện do công ty sản xuất.

Thuế TNDN được tính như sau:

-Tổng doanh thu: 55.545.337.043

Trong đó : Doanh thu sản phẩm cách điện công ty sản xuất:27.634.700.354

-Lợi nhuận trước thuế :2.113.757.778

-Lợi nhuận sản phẩm cách điện được tính thuế suất ưu đãi 20% là

$(27.634.700.354 / 55.545.337.043) * 2.113.757.778 = 1.051.628.560$

Thuế TNDN được hưởng ưu đãi 20% và giảm 50% là:

$(1.051.628.560 * 20%) / 2 = 105.162.856$

Thuế TNDN với thuế suất 25% là

$(2.113.757.778 - 1.051.628.560) * 25% = 265.532.304$

Tổng thuế TNDN phải nộp là

$105.162.856 + 265.532.304 = 370.695.160$

Công ty cổ phần Vật liệu kỹ thuật điện
Số 991A-Tôn Đức Thắng-Hồng Bàng-Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

ĐVT: đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu tk đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			<i>Cộng lũy kế từ trang trước chuyển sang</i>				488.576.324	488.576.324
							
31/12	PKT25	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	x	1623	911	71.647.399	
				x	1624	635		71.647.399
31/12	PKT26	31/12	Kết chuyển chi phí khác	x	1625	911	81.005	
						811		81.005
31/12	PKT28	31/12	Xác định số thuế TNDN phải nộp	x	1626	821	370.695.160	
				x	1627	3334		370.695.160
31/12	PKT28	31/12	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	x	1628	911	370.695.160	
				x	1629	821		370.695.160
							
			Cộng lũy kế				497.187.552.761	497.187.552.761

Biểu 19: Trích từ sổ Nhật ký chung của công ty Cổ phần Vật liệu kỹ thuật điện

Công ty cổ phần Vật liệu kỹ thuật điện
Số 991A-Tôn Đức Thắng-Hồng Bàng-Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản :Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu TK: 821

Năm 2010

Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
SH	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
		SĐĐK					
						
PKT28	31/12	Xác định số thuế TNDN phải nộp				370.695.160	
PKT28	31/12	Kết chuyển chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp hiện hành					370.695.160
		Cộng phát sinh				370.695.160	370.695.160
		SDCK					

Biểu 20: Sổ từ cái tài khoản chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp

2.2.2.6 Kế toán xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty cổ phần vật liệu kỹ thuật điện

-Bất kỳ một doanh nghiệp nào khi tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đều phải quan tâm đến hiệu quả và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp mình.

Tài khoản kế toán sử dụng

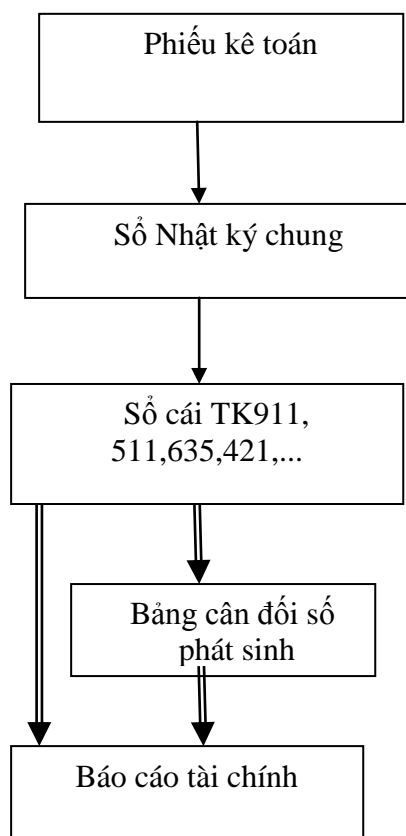
-Tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh

-Tài khoản 421- Lợi nhuận chưa phân phối

Các tài khoản khác có liên quan: TK 515, TK632, TK635,TK641,TK642,...

Quy trình hạch toán

Cuối quý, kế toán tổng hợp số liệu kế toán kết quả kinh doanh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh và lập báo cáo tài chính.



Sơ đồ2.11 :Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày —————>
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ══════════>
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ⋯⋯⋯<—>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU KỸ THUẬT ĐIỆN

Số 25

PHIẾU KẾ TOÁN
 Ngày 31 tháng 12 năm 2010

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết tài khoản		
					TK Nợ	TK có	Số tiền
	KC doanh thu bán hàng sang TK 911	511	911	55.545.337.043			
	KC doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911	515	911	50.445.307			
	Cộng			55.595.782.080			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU KỸ THUẬT ĐIỆN

Số 26

PHIẾU KẾ TOÁN
 Ngày 31 tháng 12 năm 2010

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết tài khoản		
					TK Nợ	TK có	Số tiền
	KC giá vốn hàng bán sang TK 911	911	632	46.942.790.883			
	KC chi phí bán hàngTK 911	911	641	1.500.782.947			
	Kết chuyển chi phí QLDN sang tài khoản 911	911	642	4.632.901.395			
	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính sang TK 911	911	635	71.647.399			
	Cộng			53.148.122.624			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU KỸ THUẬT ĐIỆN

Số 27

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết tài khoản		
					TK Nợ	TK có	Số tiền
	KC chi phí khác sang TK 911	911	811	81.005			
	Cộng			81.005			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU KỸ THUẬT ĐIỆN

Số :28

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết tài khoản		
					TK Nợ	TK có	Số tiền
	Xác định thuế TNDN phải nộp	821	3334	370.695.160			
	KC chi phí thuế TNDN hiện hành sang TK 911	911	821	370.695.160			
	Kết chuyển lãi	911	421	1.743.062.618			
	Cộng			2.143.231.476			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Công ty cổ phần Vật liệu kỹ thuật điện
Số 991A-Tôn Đức Thắng-Hồng Bàng-Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

ĐVT: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu tk đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			Cộng lũy kế từ trang trước chuyển sang				488.576.324	488.576.324
							
31/12	PKT25	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và ccdv	x	1613	511	55.545.337.043	
				x	1614	911		55.545.337.043
31/12	PKT25	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động TC	x	1615	515	48.390.369	
					1616	911		48.390.369
31/12	PKT26	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	x	1617	911	46.942.790.883	
				x	1618	632		46.942.790.883
31/12	PKT26	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	x	1619	911	1.500.782.947	
				x	1620	641		1.500.782.947
31/12	PKT26	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý DN		1621	911	4.632.901.395	
				1622	642		4.632.901.395
			Cộng lũy kế				497.187.552.761	497.187.552.761

Biểu 21: Trích từ sổ Nhật ký chung của công ty Cổ phần Vật liệu kỹ thuật điện

Công ty cổ phần Vật liệu kỹ thuật điện
Số 991A-Tôn Đức Thắng-Hồng Bàng-Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

ĐVT: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu tk đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
			Cộng lũy kế từ trang trước chuyển sang				488.576.324	488.576.324
							
31/12	PKT26	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	x	1623	911	71.647.399	
				x	1624	635		71.647.399
31/12	PKT27	31/12	Kết chuyển chi phí khác	x	1625	911	81.005	
						811		81.005
31/12	PKT28	31/12	Xác định số thuế TNDN phải nộp	x	1626	821	212.914.985	
				x	1627	3334		212.914.985
31/12	PKT28	31/12	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	x	1628	911	212.914.985	
				x	1629	821		212.914.985
31/12	PKT28	31/12	KC lợi nhuận	x	1630	911	1.930.316.491	
				x	1631	421		1.930.316.491
			Cộng lũy kế				497.187.552.761	497.187.552.761

Biểu 22: Trích từ sổ Nhật ký chung của công ty Cổ phần Vật liệu kỹ thuật điện

Công ty cổ phần Vật liệu kỹ thuật điện
Số 991A-Tôn Đức Thắng-Hồng Bàng-Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản :Xác định kết quả kinh doanh
Số hiệu TK: 911
Năm 2010

Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
SH	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
		SDDK					
PKT25	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và ccdv			511		55.545.337.043
PKT25	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động TC			515		48.390.369
PKT26	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán			632	46.942.790.883	
PKT26	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng			641	1.500.782.947	
PKT26	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN			642	4.632.901.395	
PKT26	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính			635	71.647.399	
PKT27	31/12	Kết chuyển chi phí khác			811	81.005	
PKT28	31/12	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			821	212.914.985	
PKT28	31/12	KC lợi nhuận			421	1.930.316.491	
		Cộng phát sinh				55.617.571.639	55.617.571.639
		SDCK					

Biểu 23: Sổ từ cái tài khoản chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty cổ phần Vật liệu kỹ thuật điện
Số 991A-Tôn Đức Thắng-Hồng Bàng-Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản :Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu TK: 421

Năm 2010

Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
SH	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
		SĐĐK				474.344.353	
						
PKT28	31/12	KC lợi nhuận			911		1.930.316.491
		Cộng phát sinh				1.102.329.712	2.256.637.773
		SDCK					1.628.652.414

Biểu 24: Sổ từ cái tài khoản Lợi nhuận chưa phân phối

CÔNG TY ĐIỆN LỰC I

Mẫu số B 02 – DN

Công ty CP Vật liệu kỹ thuật điện

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC Ngày

ĐC: 991A Tôn Đức Thắng –Hồng Bàng–Hải Phòng

20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	55.545.337.043	45.717.127.533
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		302.477.555	11.190.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		55.242.859.488	45.705.937.533
4. Giá vốn hàng bán	11		46.942.790.883	39.924.453.172
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		8.300.068.605	5.781.484.361
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		50.445.307	37.405.151
7. Chi phí tài chính	22		71.647.399	110.362.504
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		71.647.399	110.362.504
8. Chi phí bán hàng	24		1.500.782.947	1.295.253.589
9. Chi phí quản lý kinh doanh	25		4.664.244.783	2.771.241.363
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24+25))	30		2.113.838.783	1.662.522.809
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32		81.005	1.088.192
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(81.005)	(1.088.192)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	IV.09	2.113.757.778	1.681.436.713
14. Chi 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		370.695.160	188.993.551
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		1.743.062.618	1.494.441.162
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)				

Lập, ngày 20..tháng 2..năm 2011.

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG III: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU KỸ THUẬT ĐIỆN

3.1 Nhận xét chung

Cùng với sự phát triển của đất nước trong nền kinh tế thị trường, mục tiêu giữ vững thị trường và tăng trưởng nhanh là trách nhiệm và mong muốn của toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty. Hệ thống quản lý nói chung và bộ phận kế toán nói riêng của công ty cổ phần vật liệu kỹ thuật điện đã không ngừng tìm tòi, hoàn thiện và nâng cao để đáp ứng nhu cầu kinh doanh ngày một đa dạng của công ty. Hiện nay, hệ thống kế toán của công ty được tổ chức tương đối hoàn chỉnh, gọn nhẹ, nắm chắc chức năng của từng bộ phận mình quản lý.

Qua thực tế cho thấy, công tác kế toán nói chung và kế toán tiêu thụ nói riêng ở công ty đã đảm bảo được đúng yêu cầu thống nhất phạm vi tính toán chi tiêu kinh tế giữa kế toán và các bộ phận có liên quan cũng như nội dung của công tác kế toán, đồng thời đảm bảo cho số liệu kế toán phản ánh một cách chính xác, trung thực, hợp lý, rõ ràng, dễ hiểu tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý kinh doanh của công ty. Trong quá trình hạch toán đã hạn chế ghi trùng lặp nhưng đảm bảo tính thống nhất các nguồn số liệu ban đầu. Do đó, việc tổ chức công tác kế toán tại công ty là phù hợp với điều kiện thực tế tại công ty.

Trong xu thế phát triển của mình, công ty luôn tạo được niềm tin cho khách hàng, luôn cố gắng mở rộng phạm vi hoạt động sản xuất, vì thế công ty luôn đặt mình trong môi trường cạnh tranh với các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm cùng loại và đưa ra mục tiêu tiết kiệm tối đa chi phí, hạ giá thành sản xuất nhưng không làm giảm chất lượng sản phẩm, đem lại lợi ích cho khách hàng.

3.1.1 Ưu điểm

✓ *Hình thức kế toán áp dụng*

Hiện nay công ty đang áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung, Với kết cấu đơn giản, dễ ghi chép hình thức này rất phù hợp với công tác kế toán tại công

ty, đảm bảo hệ thống kế toán của công ty thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quản lý sản xuất kinh doanh, đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời cho công tác quản lý của doanh nghiệp.

✓ Công ty đã áp dụng phần mềm kế toán để ghi chép sổ sách kế toán, giúp giảm bớt khối lượng công việc, đảm bảo độ chính xác, bảo mật thông tin kế toán cao hơn và việc cung cấp thông tin số liệu kế toán nhanh hơn. Với chương trình kế toán FMIS đã được cài đặt sẵn, khi có lệnh chương trình sẽ tự động chạy và cho phép in ra bất kỳ một sổ sách hoặc báo cáo kế toán theo yêu cầu.

✓ *Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán*

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp. Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức thiết kế gọn nhẹ, hoạt động có nề nếp và đạt hiệu quả cao trong công việc. Các cán bộ kế toán có trình độ chuyên môn nghiệp vụ tốt, thường xuyên cập nhật các thay đổi của chế độ kế toán Việt Nam và vận dụng một cách linh hoạt tác phong làm việc khoa học. Tổ chức bộ máy kế toán theo quản hệ trực tuyến chức năng với sự chỉ đạo, điều hành trực tiếp từ kế toán trưởng giúp cho công tác kế toán được thực hiện nhịp nhàng, không chồng chéo, vừa chuyên môn hóa vừa hợp tác hóa giúp cho việc kiểm tra đối chiếu dễ dàng và thuận lợi hơn.

Nhìn chung bộ máy kế toán của công ty đã đảm bảo việc phản ánh theo dõi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của công ty, đảm bảo việc cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, cho bộ máy lãnh đạo.

✓ *Hệ thống chứng từ kế toán*

Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với nội dung kinh tế phát sinh. Hầu hết các chứng từ sử dụng theo đúng mẫu quy định theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng bộ tài chính. Chứng từ được phân loại rõ ràng. Việc luân chuyển chứng từ được thực hiện đúng quy trình, tương đối nhanh chóng, kịp thời.

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong công ty đều được phản ánh đầy đủ trong hệ thống chứng từ kế toán. Công ty áp dụng đầy đủ các chứng từ bắt buộc do

Bộ tài chính quy định, ngoài ra công ty còn sử dụng một số chứng từ hướng dẫn mà ở đó các chứng từ được hoàn thành theo đặc thù của công ty

Các chứng từ liên quan đến công tác hạch toán chi phí sản xuất như: Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ, bảng phân bổ công cụ, dụng cụ, Hóa đơn, chứng từ chi tiền mặt... được thiết lập đầy đủ, qui trình luân chuyển chặt chẽ, thuận tiện cho công tác tính giá thành sản phẩm.

✓ *Về công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh*

Trải qua một quá trình phát triển công ty đã dần hoàn thiện công tác hạch toán của mình. Công ty đã nắm bắt nhanh những thông tin kinh tế và những thay đổi mới về chế độ kế toán áp dụng cho đơn vị mình một cách phù hợp đặc biệt là vấn đề hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, Hệ thống tài khoản và phương pháp hạch toán được áp dụng phù hợp với những quy định mới của bộ tài chính. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đã biết gắn liền giữa tình hình sản xuất kinh doanh tại công ty với những nguyên tắc trong hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Hạch toán nhanh chóng, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh góp phần đảm bảo thống nhất và nhịp nhàng trong công tác hạch toán. Hơn nữa, bộ máy kế toán còn đáp ứng số liệu báo cáo kế toán phục vụ cho nhu cầu của ban lãnh đạo công ty.

3.1.2 Tồn tại

Bên cạnh những ưu điểm kế toán công ty vẫn còn tồn tại những mặt hạn chế chưa phù hợp với chế độ chung, chưa thực sự khoa học, cần thiết phải phân tích làm sáng tỏ để từ đó có những biện pháp thiết thực nhằm cung cấp đầy đủ và chính xác hơn nữa những thông tin tài chính. Cụ thể:

- *Chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hóa thành phẩm*

Trong quá trình tiêu thụ chiến lược kinh doanh đóng một vai trò hết sức quan trọng. Nó sẽ tạo ra sức hấp dẫn lớn lôi cuốn khách hàng là luôn muốn tiêu dùng những sản phẩm tốt trên thị trường và được hưởng nhiều ưu đãi và chiết khấu thanh toán cho những khách hàng thanh toán mua hàng, thanh toán sớm hơn so với

thời gian ghi trong hợp đồng sẽ làm giảm một lượng không nhỏ khách hàng trong tiêu thụ hàng hóa, thành phẩm của công ty, dẫn đến làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- *Trích lập các khoản dự phòng*

Khách hàng của công ty là những khách hàng thường xuyên mua hàng nhiều lần nhưng lại thanh toán chậm. Nợ nhiều dẫn đến tình trạng tồn đọng vốn. Vậy mà công ty chưa tiến hành các khoản dự phòng cho số khách hàng khó đòi và hàng hóa tồn kho (dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá hàng tồn kho) nên lường trước rủi ro trong kinh doanh. Như vậy đã làm sai nguyên tắc thận trọng của kế toán. Điều này dễ gây đột biến chi phí kinh doanh và phản ánh sai lệch kết quả kinh doanh của kỳ đó

- *Về kế toán tập hợp chi phí tính giá thành*

Kế toán ko tách riêng chi phí nhân công trực tiếp (TK622) và chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (TK621) mà tập hợp hết trong chi phí sản xuất sản xuất chung (TK154) như vậy là chưa đúng theo quy định.

- *Về hệ thống sổ sách kế toán*

Công ty chưa có sổ chi phí sản xuất kinh doanh, để theo dõi các loại chi phí trong kỳ kế toán.

3.2 Một số biện pháp hoàn thiện công tác tổ chức kế toán tại công ty cổ phần Vật liệu kỹ thuật điện

3.2.1 Yêu cầu của việc hoàn thiện

Để đạt được hiệu quả cao nhất trong sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp cần phải xác định phương hướng mục tiêu trong đầu tư, biện pháp sử dụng các điều kiện có sẵn... Do vậy kế toán nên sử dụng hình thức phân tích các chỉ tiêu trên cơ sở các số liệu đã ghi chép để đáp ứng kịp thời các thông tin cho việc ra quyết định tốt nhất.

Ngoài các biện pháp cụ thể để công tác kế toán tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ ngày càng hoàn thiện hơn cũng cần có sự phối hợp giúp đỡ của các phòng ban cũng như các lãnh đạo công ty. Lãnh đạo công ty là người có nhiệm vụ

quản lý chung toàn bộ tình hình kinh doanh và phải quy định toàn bộ chức năng của các bộ phận ở các phòng ban kho và phòng kế toán đảm bảo sự kết hợp chặt chẽ giữa các bộ phận để sự luân chuyển chứng từ và thủ tục chứng từ ban đầu hợp lý, khoa học.

Nếu như kế toán tiêu thụ sản phẩm hàng hóa dịch vụ nói riêng và bộ máy kế toán nói chung làm việc đúng chức năng, hiệu quả công việc cao thì xác định kết quả kinh doanh đúng, từ đó giúp cho người lãnh đạo đề ra hướng đúng cho công ty và ngược lại nếu người quản lý, lãnh đạo làm tốt việc chỉ đạo sản xuất, tổ chức bộ máy gián tiếp, trực tiếp sẽ giúp cho công việc hạch toán được thuận lợi dễ dàng hơn.

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là khâu quan trọng trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó có thể đánh giá được thực trạng phát triển, những ưu điểm, hạn chế còn tồn tại trong kinh doanh. Do đó việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ngày càng phải được chú trọng.

Việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không chỉ ở trên mặt lý thuyết mà phải phù hợp với thực tiễn của doanh nghiệp. Hoàn thiện công tác kế toán phải bám sát vào thực tế và trình độ quản lý của doanh nghiệp, các thông tin kế toán phải xác thực, phù hợp với đặc thù hoạt động và ngành nghề kinh doanh.

Cung cấp số liệu, thông tin về doanh thu, chi phí một cách trung thực, khách quan, dễ hiểu tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như công tác kiểm tra. Số liệu kế toán phải được phản ánh một cách kịp thời, chính xác. Đây là việc làm cần thiết đối với cơ quan chức năng, đối với cơ quan thuế - giúp cho việc tính toán thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước, đối với ngân hàng – giúp cho việc tính toán các khoản lãi tiền vay, tiền gửi và việc thu hồi vốn và lãi, đối với cơ quan lãnh đạo trong việc đưa ra các phương hướng và kế hoạch cụ thể cho kỳ kinh doanh tiếp theo.

3.2.2 Điều kiện thực hiện các biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP vật liệu kỹ thuật điện

- Công ty cần có đội ngũ nhân viên kế toán không những nắm vững các nghiệp vụ kinh tế, luật kinh tế, tài chính doanh nghiệp mà còn có sự hiểu biết về phần mềm kế toán trong phân tích, phản ánh, xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại đơn vị và lập các báo cáo tài chính. Hơn nữa, nhân viên kế toán còn phải là người có trách nhiệm, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về mọi mặt của hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp, phục vụ kịp thời cho chỉ đạo quá trình kinh doanh.

- Thực hiện đúng chế độ nhà nước ban hành

- Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học, phù hợp với đặc điểm tính chất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Tiếp cận các chuẩn mực kế toán quốc tế, áp dụng phù hợp với các tình hình thực tế của doanh nghiệp.

3.2.3 Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP vật liệu kỹ thuật điện

Sau thời gian thực tập và tìm hiểu thực tế tại công ty CP vật liệu kỹ thuật điện, dưới góc độ là một sinh viên em xin mạnh dạn đưa ra một vài ý kiến nhỏ nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Ý kiến 1: Đối với vấn đề chậm trả của khách hàng

Để giảm tối đa tình trạng bị chiếm dụng vốn từ khách hàng công ty nên áp dụng các khoản chiết khấu thanh toán trong bán hàng. Công ty cần có những biện pháp thiết thực như: nếu khách hàng thanh toán trước thời hạn thì sẽ áp dụng chiết khấu bao nhiêu phần trăm trên tổng giá thanh toán tại thời điểm đó, mức chiết khấu theo thời gian thanh toán tại thời điểm đó, mức chiết khấu theo thời gian thanh toán cho khách hàng có thể được xác định dựa vào : tỷ lệ lãi vay ngân hàng hiện nay của công ty, số tiền mua hàng phát sinh hoặc thời gian thanh toán tiền hàng.

Như vậy công ty mới có khả năng thu hồi vốn nhanh, tăng được vòng quay luân chuyển vốn lưu động, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và hạn chế được các khoản đi vay của công ty. Đồng thời công ty nên áp dụng các hình thức chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán để làm tăng lượng hàng hóa tiêu thụ và làm tăng tổng doanh thu bán hàng.

Ý kiến 2: Về trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi

Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng và giảm mức tối đa tổn thất về các khoản phải thu khó đòi, hạn chế những đột biến về kết quả kinh doanh trong một kỳ kế toán, công ty phải tính toán số nợ có khả năng khó đòi trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ hạch toán nên trích lập các khoản dự phòng cần thiết. Tùy theo trường hợp cụ thể công ty có thể kế toán các khoản dự phòng theo trình tự sau:

-Cuối kỳ kế toán năm, công ty căn cứ vào các khoản phải thu được xác định là không chắc chắn thu được kế toán tính toán xác định số dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập:

Phương pháp xác định mức dự phòng cần trích lập:

Thời gian quá hạn thanh toán	Mức dự phòng cần trích lập
6 tháng $\leq t \leq$ 1 năm	30% giá trị nợ phải thu
1 năm $< t \leq$ 2 năm	50% giá trị nợ phải thu
2 năm $< t \leq$ 3 năm	70% giá trị nợ phải thu
Từ > 3 năm	100% giá trị nợ phải thu

Ước tính đối với khách hàng đáng ngờ (dựa vào thời gian quá hạn thực tế)

$$\begin{matrix} \text{Số dự phòng cần lập} \\ \text{cho niên độ tới của} \\ \text{khách hàng đáng ngờ} \end{matrix} = \begin{matrix} \text{Số nợ phải thu của} \\ \text{khách hàng đáng ngờ} \end{matrix} \times \begin{matrix} \text{Tỷ lệ ước tính} \\ \text{không thu được} \\ \text{của khách hàng} \end{matrix}$$

-Nếu số dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập năm nay lớn hơn số dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập ở cuối niên độ kê toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch dự phòng cần phải trích lập thêm được hạch toán:

Nợ TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 139: Dự phòng phải thu khó đòi

-Nếu số dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập năm nay nhỏ hơn số dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập ở cuối niên độ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được hoàn nhập và ghi giảm chi phí:

Nợ TK 139: Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

-Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được, được phép xóa nợ (Việc xóa nợ phải đúng với chế độ kế toán hiện hành) căn cứ vào quyết định xóa nợ về khoản nợ phải thu khó đòi ghi:

Nợ TK 139: Dự phòng phải thu khó đòi (Nếu đã lập dự phòng)

Nợ TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp (Nếu chưa lập dự phòng)

Có TK 131: Phải thu khách hàng

Hoặc: Có TK 138: Phải thu khác

Đồng thời ghi vào bên nợ TK 004 (Nợ khó đòi đã xử lý) để theo dõi thu hồi khi khách hàng nợ có điều kiện trả nợ.

-Đối với các khoản phải thu khó đòi đã được xử lý nợ nếu sau đó thu hồi được kế toán ghi:

Nợ TK 111,112: Số tiền khách trả nợ

Có TK 711: Thu nhập khác

Đồng thời ghi đơn bên có TK 004: Nợ khó đòi đã xử lý.

Ví dụ:

Tình hình phải thu nợ khó đòi của công ty cổ phần Vật liệu kỹ thuật điện

Khách hàng đáng ngờ	Số tiền nợ	Thời gian quá hạn (t)	Mức dự phòng cần lập
Công ty TNHH SX và TM Tuấn Ân	41.800.000	4 năm	41.800.000
Công ty CP xây dựng Long Biên –Nam Định	7.581.700	21 tháng	5.307.190

Ý kiến 3 Áp dụng kế toán quản trị

Kế toán quản trị là quy trình đa dạng, đo lường, tổng hợp, phân tích, lập bảng biểu, giải trình và thông đạt các số liệu tài chính và phi tài chính cho ban giám đốc để lập kế hoạch, đánh giá, theo dõi việc thực hiện kế hoạch, đánh giá, theo dõi việc thực hiện kế hoạch trong phạm vi nội bộ một doanh nghiệp. Giúp cho nhà quản lý xử lý các dữ kiện để đạt được mục tiêu sau:

-Biết được từng phần chi phí , tính toán và tổng hợp chi phí sản xuất, giá thành cho từng loại sản phẩm, dịch vụ.

-Xây dựng được các khoản dự toán ngân sách cho các mục tiêu hoạt động.

-Kiểm soát, thực hiện và giải trình các nguyên nhân chênh lệch giữa chi phí theo dự toán và thực tế

-Cung cấp các thông tin cần thiết để quyết định kinh doanh hợp lý.

Từ những phân tích trên ta có thể áp dụng kế toán quản trị về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cụ thể vào công ty Cổ phần Vật liệu kỹ thuật điện như sau:

➤Lập dự toán ngân sách tiêu thụ, chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp... Đây là dự toán ngân sách được lập cho kỳ kế toán thường là một năm và được chia ra thành từng thời kỳ ngắn hơn như: từng quý, từng tháng phù hợp với kỳ kế toán của doanh nghiệp nhằm thuận tiện cho việc đánh giá kết quả thực hiện và kế hoạch. Đặc điểm của dự toán là được lập hàng năm trước khi niên độ kế toán kết thúc, nó định hướng cho hoạt động của doanh nghiệp trong năm tiếp theo,

➤Sau khi các bộ phận trong công ty trực tiếp chịu trách nhiệm lập dự toán ngân sách sản xuất, kinh doanh của bộ phận mình, phòng kế toán trong công ty có trách nhiệm tổng hợp dự toán tiến hành kiểm tra và đánh giá thực hiện chi phí , phân tích mối quan hệ Doanh thu - Chi phí - Lợi nhuận giúp cho các nhà quản trị lựa chọn các quyết định về giá thành sản phẩm, khối lượng sản phẩm sản xuất, kết cấu mặt hàng ...nhằm đạt được mức lợi nhuận như mong muốn . Áp dụng được vấn đề này sẽ cung cấp cho nhà quản lý của doanh nghiệp có những thông tin linh hoạt, có những giải pháp khác nhau trong việc đầu tư, phát huy những mặt tích cực đã đạt được và khắc phục những mặt còn tồn tại.

Ví dụ

✎ Dự toán tiêu thụ sản phẩm

STT	Chỉ tiêu	Quý				Cả năm
		I	II	III	IV	
1	Khối lượng sản phẩm tiêu thụ dự kiến					
2	Doanh thu					
3	Giá bán					

✎ Dự toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

STT	Chỉ tiêu	Quý				Cả năm
		I	II	III	IV	
1	Khối lượng sản phẩm tiêu thụ					
2	Chi phí BH và QLDN khả biến ĐVSP					
3	Tổng chi phí BH và QLDN khả biến dự trừ(đ)					
4	Chi phí BH và QLDN bất biến(đ)					
5	Tổng chi phí BH và QLDN dự kiến (đ)					

Ý kiến 4: Hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán tại công ty CP Vật liệu kỹ thuật điện

Công ty nên bổ sung sổ chi phí sản xuất kinh doanh để theo dõi các loại chi phí nhanh chóng hiệu quả hơn. Những thông tin về các chi phí phát sinh trong kỳ sẽ được thể hiện cụ thể trên sổ này sẽ giúp cho nhà quản lý nắm được những chi phí nào phát sinh tăng để có biện pháp xử lý cân đối lại trong kỳ kinh doanh tiếp theo.

Từ ví dụ 04 phần 2 “Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vật liệu kỹ thuật điện”, kế toán vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU KỸ THUẬT ĐIỆN

991A- Tôn Đức Thắng-Hồng Bàng-Hải Phòng

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH
Dùng cho các TK 621, 622,623,627,154,631,641,642,142,242,335,632
Tài khoản 641-Chi phí bán hàng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền		Chia ra			
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	6411	6417	6418
			Số dư đầu tháng 12/2010							
			Số phát sinh trong tháng							
30/12	PC288	30/12	<i>Thanh toán tiền cước vận chuyển tháng 12/2010 cho công ty TNHH vận tải Thanh Vân theo HĐ GTGT 025143</i>	111	11.690.000					11.690.000
30/12	PC291	30/12	Thanh toán tiền sửa chữa ô tô ở bộ phận bán hàng	111	2.350.000					2.350.000
									
31/12	PKT26	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng			1.500.782.947				
			Cộng phát sinh cuối tháng		1.500.782.947	1.500.782.947				
			Số dư cuối kỳ							

Ý kiến 5: Hoàn thiện quy trình luân chuyển chứng từ tại công ty CP Vật liệu kỹ thuật điện

Để đảm bảo việc giao nhận chứng từ không xảy ra mất mát hoặc bỏ sót và dễ dàng quy trách nhiệm cũng như tìm lại chứng từ bị thất lạc, khi bàn giao chứng từ giữa các phòng nên có biên bản giao hoặc sổ theo dõi quy trình luân chuyển chứng từ.

Như vậy, khi không thấy chứng từ, các phòng ban có thể xem xét, kiểm tra đối chiếu với sổ theo dõi chứng từ. Nhờ đó dễ dàng tìm lại chứng từ hoặc quy trách nhiệm cho người cụ thể.

3.2.5 Một số kiến nghị khác

*** Tăng cường hệ thống kiểm soát nội bộ**

Trong quá trình cập nhật, theo dõi thông tin phân tích tình hình biến động mọi mặt trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty không thể tránh khỏi những sai sót nhầm lẫn có thể xảy ra. Vì vậy để hạn chế tối đa những sai sót, gian lận có thể có trong quá trình hạch toán thì cần phải tăng cường hệ thống kiểm soát nội bộ trong công ty để kiểm tra giám sát đồng thời nâng cao độ tin cậy của những thông tin trong báo cáo tài chính của công ty góp phần vào sự tồn tại và phát triển bền vững của công ty.

*** Quan tâm hơn nữa đến việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho các nhân viên kế toán**

Công ty phải quan tâm hơn nữa đến việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho các nhân viên kế toán để nâng cao hơn nữa trình độ nghiệp vụ, nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán trong giai đoạn mới.

* Việc đầu tư đổi mới máy móc thiết bị hiện đại thường là giải pháp tối ưu đối với các doanh nghiệp để thu hút các khách hàng trong nước nói chung và khách hàng quốc tế nói riêng. Chính điều đó cũng làm tăng lợi nhuận cho Công ty. Nhưng việc đầu tư phải dựa trên hợp đồng, đơn hàng đã ký với khách hàng. Công ty phải tính toán một cách hợp lý sao cho có hiệu quả nhất, đồng thời khai thác triệt để máy móc hiện có tránh lãng phí, không cần thiết.

* Củng cố bộ máy quản lý hoạt động kinh doanh của Công ty sao cho gọn nhẹ mà vẫn hoạt động có hiệu quả nhất. Quản lý, điều hành cần có độ tập trung cao, các quyết định đưa ra phải có sự thống nhất thực hiện từ trên xuống dưới, các vướng mắc cần phải được xử lý một cách kịp thời.

* Đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường: Công ty cần quan tâm xây dựng bộ phận làm công tác thị trường sao cho mạnh về chuyên môn, hoạt động hiệu quả hơn, cụ thể hơn. Đồng thời phải thiết lập được các mối quan hệ với các cơ quan hữu quan, các tổ chức thương mại nhằm tranh thủ giúp đỡ của họ về thông tin, về biện pháp xúc tiến thương mại. Từ đó tạo điều kiện để Công ty có thể thu hút được những hợp đồng lớn, có giá trị cao, hợp đồng lâu dài, khách hàng có tiềm lực kinh tế, có khả năng thanh toán tốt.

Công ty cần tiếp tục duy trì tốt các mối quan hệ kinh tế sẵn có phát triển tìm kiếm các đối tác mới để đảm bảo được số lượng hàng bán ra đúng kế hoạch với mức giá cạnh tranh phù hợp với nhu cầu, thị hiếu của thị trường bố trí vốn kịp thời và đầy đủ nhất là tiền mặt để mua hàng. Tăng cường công tác quản lý bán hàng cũng như bán hàng. Căn cứ vào hợp đồng kinh tế để tiến hành tốt công tác chuẩn bị. Trước khi xuất hàng cần kiểm tra chặt chẽ mặt hàng, số lượng, quy cách, phẩm chất... để đảm bảo uy tín lâu dài cho công ty.

KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh ngày càng trở nên quan trọng đối với công tác kế toán của một doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nói chung và doanh nghiệp sản xuất nói riêng. Việc xác định đúng doanh thu và chi phí tạo điều kiện thuận lợi cho ban quản trị doanh nghiệp đưa ra những quyết định đúng đắn, chính xác và kịp thời trong việc quản lý, điều hành và phát triển công ty.

Với sự hình thành và phát triển của Công ty cổ phần Vật liệu kỹ thuật điện đã trải qua nhiều khó khăn, thử thách cùng với sự phát triển của kinh tế thị trường trong nước. Công ty đã không ngừng nâng cao hiệu quả kinh doanh. Hàng năm công ty luôn đóng góp đầy đủ các khoản phải nộp cho ngân sách nhà nước, đảm bảo việc làm và mức lương tương đối cho người lao động...Đối với công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty nói riêng và việc hạch toán kế toán nói chung tại công ty, có thể nói là tương đối hoàn thiện song bên cạnh đó không tránh khỏi những thiếu sót.

Cùng với những kiến thức đã được học trên ghế nhà trường, áp dụng vào thực tiễn kế toán đã được tiếp cận tại công ty, em đã mạnh dạn đưa ra một số ý kiến đóng góp để góp phần hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Vật liệu kỹ thuật điện.

Qua đây em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ, chỉ bảo tận tình của thầy giáo Th.S Vũ Hùng Quyết, các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học Dân lập Hải Phòng, cùng như ban lãnh đạo và các cán bộ nhân viên Công ty cổ phần Vật liệu kỹ thuật điện, đặc biệt là các cô chú phòng kế toán tài chính đã giúp em hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Phạm Thúy Mai

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1)-Hệ thống tài khoản kế toán – Nhà xuất bản tài chính
2. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2)-Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ sách, sơ đồ kế toán–Nhà xuất bản tài chính
- 3.Hướng dẫn thực hành kế toán doanh nghiệp. TS Phạm Huy Đoái và ThS Nguyễn Thanh Tùng – Nhà xuất bản tài chính.

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU 1

CHƯƠNG I. LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP..... 3

1.1.Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp..... 3

1.1.1. Doanh thu 3

1.1.1.2 Các phương thức tiêu thụ hàng chủ yếu trong doanh nghiệp 3

1.1.1.3 Phân loại doanh thu 5

1.1.1.4 Các khoản giảm trừ doanh thu 6

1.1.2 Chi phí 7

1.1.2.1 Khái niệm 7

1.1.2.2 Phân loại chi phí..... 7

1.1.3Xác định kết quả kinh doanh..... 10

1.2 Ý nghĩa và nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh 10

1.2.1 Ý nghĩa của tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh 10

1.2.2 Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. 11

1.3 Nội dung tổ chức hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp..... 12

1.3.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ..... 12

1.3.1.1Điều kiện ghi nhận doanh thu 12

1.3.1.2 Một số nguyên tắc khi hạch toán doanh thu 14

1.3.1.3 Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng 15

1.3.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu..... 18

1.3.2.1 Chứng từ sử dụng 18

1.3.2.2 Tài khoản sử dụng	19
1.3.2.3 Quy trình hạch toán một số nghiệp vụ làm giảm doanh thu	21
1.3.3 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí hoạt động tài chính.....	22
1.3.3.1 Chứng từ sử dụng	22
1.3.3.2 Tài khoản sử dụng	22
1.3.4 Kế toán giá vốn hàng bán.....	24
1.3.4.1 Các phương pháp tính giá vốn hàng bán.....	24
1.3.3.2 Chứng từ sử dụng	26
1.3.3.3 Tài khoản sử dụng	26
1.3.3.4 Quy trình hạch toán	28
1.3.5 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	29
1.3.5.1 Chứng từ sử dụng	29
1.3.5.2 Tài khoản sử dụng	30
1.3.5.3 Quy trình hạch toán	31
1.3.6 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	33
1.3.6.1 Chứng từ sử dụng	33
1.3.6.2 Tài khoản sử dụng	33
1.3.6.3 Quy trình hạch toán	34
1.3.7 Kế toán chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp.....	34
1.3.7.1 Chứng từ sử dụng	34
1.3.7.2 Tài khoản sử dụng	34
1.3.7.3 Quy trình hạch toán	35
1.3.8 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	36
1.3.8.1 Chứng từ sử dụng	36
1.3.8.2 Tài khoản sử dụng	36
1.3.8.3 Quy trình hạch toán	37
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CP VẬT LIỆU KỸ THUẬT ĐIỆN.....	38

2.1 Khái quát về công ty CP Vật liệu kỹ thuật điện.....	38
2.1.1. Sơ lược về quá trình hình thành và phát triển của công ty	38
2.1.2 Ngành nghề kinh doanh	39
2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty	39
2.1.4 Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty	42
2.1.5. Hình thức tổ chức công tác kế toán tại công ty	43
2.1.5.1Tổ chức hệ thống chứng từ tại công ty	43
2.1.5.2Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán:	43
2.1.5.3Tổ chức hệ thống sổ kế toán tại công ty	43
2.1.5.4 Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán.....	47
2.2 Thực trạng tổ chức kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Vật liệu kỹ thuật điện	48
2.2.1. Đặc điểm về kế toán tiêu thụ, doanh thu bán hàng tại công ty CP Vật liệu kỹ thuật điện	48
2.2.2 Tổ chức hạch toán kế toán doanh thu bán hàng, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	48
2.2.2.1.Tổ chức hoạch toán kế toán doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu	48
2.2.2.3..Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí khác tại công ty CP vật liệu kỹ thuật điện	64
2.2.2.3. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí hoạt động tài chính.....	73
2.2.2.4.Kế toán chi phí khác.....	81
2.2.2.5 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	85
2.2.2.6 Kế toán xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại công ty cổ phần vật liệu kỹ thuật điện	89
CHƯƠNG III:MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU KỸ THUẬT ĐIỆN .	97
3.1 Nhận xét chung.....	97

3.1.1 Ưu điểm.....	97
3.1.2 Tồn tại.....	99
3.2 Một số biện pháp hoàn thiện công tác tổ chức kế toán tại công ty cổ phần Vật liệu kỹ thuật điện.....	100
3.2.1 Yêu cầu của việc hoàn thiện.....	100
3.2.2 Điều kiện thực hiện các biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP vật liệu kỹ thuật điện.....	102
3.2.3 Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP vật liệu kỹ thuật điện.....	102
3.2.5 Một số kiến nghị khác.....	109
KẾT LUẬN	111
TÀI LIỆU THAM KHẢO	112